LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển nhất định phải có phương án kinh doanh đạt hiệu qủa kinh tế. Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức Thương mại Thế giới WTO, điều này mở ra rất nhiều cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam nhưng cũng tạo ra không ít thách thức mới đối với các doanh nghiệp trong nước. Nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Các doanh nghiệp lúc này đứng trước hai con đường hoặc phát triển bền vững lâu dài, hoặc giải thể phá sản. Vì thế, các doanh nghiệp trong nước cần cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Để tìm hiểu xem một doanh nghiệp được coi là đang phát triển, có khả năng phát triển hay đang trong nguy cơ phá sản, chúng ta cần tìm hiểu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này do kế toán thu thập, tổng hợp và cung cấp. Ta có thể biết tình hình tài chính của doanh nghiệp như thế nào qua báo cáo tài chính mà kế toán cung cấp. Đồng thời đó cũng là cơ sở để các đối tác, các tổ chức tài chính và các cơ quan chức năng nhà nước dựa vào để xem xét hợp tác, làm việc.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán. Doanh thu cho thấy sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ra sao, từ đó giúp các nhà quản trị đưa ra các đối sách phù hợp.

Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của vấn đề trên, qua thời gian thực tập tại chi nhánh Hải Phòng của công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, được sự hướng dẫn tận tình của giảng viên Nguyễn Thuý Hồng cùng với sự giúp đỡ của các cán bộ kế toán tại công ty, em đã thực hiện chuyên đề tốt nghiệp của mình với đề tài: “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu cung cấp

dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh , phân phối lợi nhuận tại Công ty TNHH dịch vụ Giao nhận vận tải Quang Hưng". Chuyên đề tốt nghiệp gồm 3 chương:

CHƯƠNG I: Những vấn đề lí luận cơ bản doanh thu cung cấp dịch vụ, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG II: Thực trạng về kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, chi nhánh Hải Phòng.

CHƯƠNG III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, chi nhánh Hải Phòng.

Do thời gian có hạn nên chuyên đề này không tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết. Kính mong sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để chuyên đề này được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Mục lục

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh……..6

1.1.1. Doanh thu ……...6

1.1.1.1. Khái niệm…….6

1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu …….6

1.1.1.3. Các khoản giảm trừ doanh thu ……7

1.1.1.4. Doanh thu tài chính …….8

1.1.1.5. Thu nhập khác …….8

1.1.2. Chi phí 8

1.1.2.1. Chi phí hoạt động tài chính …….8

1.1.2.2. Giá vốn hàng bán ……8

1.1.2.3. Chí phí bán hàng …….8

1.1.2.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp …….9

1.1.2.5. Chi phí khác …….9

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh …….9

1.1.4. Vai trò, vị trí và ý nghĩa của việc tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ……..10

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ……10

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ……...11

1.2.1. Chứng từ sử dụng.....11

1.2.2. Tài khoản sử dụng.....11

1.2.2.1. Nhóm tài khoản doanh thu 11

1.2.2.2. Nhóm tài khoản giảm trừ doanh thu 14

1.2.2.3. Nhóm tài khoản xác định giá vốn, chi phí 15

1.2.2.4. Nhóm tài khoản xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động khác.....17

1.2.2.5. Nhóm tài khoản xác định kết quả kinh doanh 17

1.2.3. Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.....18
1.2.3.1. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp 18
1.2.3.2. Hạch toán nghiệp vụ theo phương thức gửi đại lý 19
1.2.3.3. Bán hàng trả góp, trả chậm 20
1.2.3.4. Hạch toán bán hàng nội bộ 21
1.2.4. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu 22
1.2.5. Hạch toán doanh thu HĐTC, chi phí HĐTC 23
1.2.5.1. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính 24
1.2.5.2. Hạch toán chi phí hoạt động tài chính 25
1.2.6. Hạch toán thu nhập khác, chi phí khác 25
1.2.6.1. Hạch toán thu nhập khác 25
1.2.6.2. Hạch toán chi phí khác 25
1.2.7. Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp 26
1.2.8. Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh 27
1.3. Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp.....28
Chương 2: Thực tế tổ chức công tác kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ GNVT Quang Hưng, chi nhánh Hải Phòng.
2.1. Tổng quan về công ty……29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển……..30
2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của công ty……..30
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý công ty……32
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty……..32
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán……...33
2.1.4.2. Tổ chức công tác kế toán……35
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng ……36
2.2.1. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu 36

2.2.1.1. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ……..36
2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu……...44
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính……48
2.2.2. Kế toán chi phí ……..51
2.2.2.1. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp…….51
2.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính…….56
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh ……60
Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng
3.1. Nhận xét chung….....66
3.1.1. Những ưu điểm nổi bật……66
3.1.2. Những hạn chế còn tồn tại……..68
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, chi nhánh Hải Phòng…….69
Kết luận……76
Danh mục sách tham khảo

CHƯƠNG I:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.Những vấn đề chung về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Doanh thu

1.1.1.1. Khái niệm.

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trị giá hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất nhập khẩu.

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu).

1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng (sản phẩm, hàng hóa)

  - Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với sản phẩm hàng hóa cho người mua

  - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa nhiw người sở hữu nó hoặc quyền kiểm soát hàng hóa đó.

  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

  - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động bán hàng.

  - Xác định được chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.

- Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi nhuận từ việc cung cấp dịch vụ kinh tế.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ đó được xác định một cách đáng tin cậy.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để honaf thành việc cung cấp dịch vụ đó.

➢ Khi hàng hóa dịch vụ được trao đổi với một hàng hóa dịch vụ khác có giá trị tương đương thì việc trao đổi đó không được coi là giao dịch tạo ra doanh thu, và không được ghi nhận doanh thu.

Phải theo dõi riêng biệt và chi tiết từng loại doanh thu: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính…nhằm xác định đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và lập báo cáo kết quả kinh doanh.

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì kế toán viên phải hạch toán riêng, và được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần.

1.1.1.3. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu: phản ánh các khoản phát sinh làm giảm doanh thu trong kỳ của doanh nghiệp. Các khoản giảm trừ gồm :

- Chiết khấu thương mại: là khoản mà người bán trả cho người mua khi người mua mua hàng hóa, dịch vụ mà người bán cung cấp với số lượng lớn, trong khoảng thời gian nhất định mà hai bên đã thỏa thuận về chiết khấu thương mại, được ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua bán hàng hóa.

- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hóa đơn, hợp đồng kinh tế do các nguyên nhân như giao hàng không đúng hẹn, hàng kém phẩm chất, hàng giao không đúng quy cách…

- Giá trị hàng bán bị trả lại: là doanh thu của hàng hóa đã được bán nhưng bị người mua trả lại do hàng kém phẩm chất, sai quy cách, giao hàng sai địa điểm, sai thời gian…

- Các loại thuế (thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu) tính theo phương pháp trực tiếp: là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng tùy thuộc từng mặt hàng khác nhau theo quy định của luật thuế.

1.1.1.4. Doanh thu tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu từ tiền lãi gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

1.1.1.5. Thu nhập khác

Thu nhập khác: là các khoản thu khác ngoài khoản thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu nhập từ hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định…

1.1.2. Chi phí.

1.1.2.1. Chi phí hoạt động tài chính:

Là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm có: chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí vốn góp liên doanh, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí giao dịch chứng khoán, lỗ chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ, vàng…

1.1.2.2. Giá vốn hàng bán:

Là trị giá vốn của hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất. Đối với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

1.1.2.3. Chi phí bán hàng:

Là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ.

1.1.2.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và điều hành chung cả doanh nghiệp.

1.1.2.5. Chi phí khác

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, chi phí nhượng bán thanh lý tài sản cố định, tiền phạt thuế,các khoản chi phí do kế toán nhầm lẫn…

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

Xác định kết quả kinh doanh: là xác định số tiền lãi hay lỗ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Đây là kết quả cuối cùng cho biết công việc kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có hiệu quả hay không.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tai chính: là số chênh lệch giữa thu nhập hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và khoản chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Những yếu tố để xác định kết quả kinh doanh gồm:

- Các loại doanh thu: doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động khác.

- Các loại chi phí: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí khác.

Cuối kỳ kế toán các loại doanh thu và chi phí trên được tập hợp lại và kết chuyển sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4. Vai trò, vị trí và ý nghĩa của việc tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Mỗi doanh nghiệp khi tiến hành sản xuất kinh doanh nhằm mục đích cung cấp hàng hóa dịch vụ cần thiết cho thị trường và tạo ra nguồn lợi nhuận cho bản thân doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải số vốn đã bỏ ra để chi tiền lương cho công nhân viên, chi phí đầu vào cho hàng hóa dịch vụ, các khoản thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước…

- Doanh thu đảm bảo cho doanh nghiệp có khả năng tái sản xuất kinh doanh, mở rộng qui mô sản xuất.

- Doanh thu cũng là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp co thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con…

- Bên cạnh đó, doanh thu còn là một đòn bẩy kinh tế có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị kinh tế ra sức làm việc, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Cùng với việc hạch toán doanh thu thì xác định kết quả kinh doanh cũng là một khâu thiết yếu của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh là cơ sở đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích đánh giá tình hình hiện nay của doanh nghiệp, từ đó lựa chọn các phương án kinh doanh, đầu tư có hiệu quả nhất cho doanh nghiệp, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy thực sự vai trò của kế toán là quản lý kinh tế ở doanh nghiệp thì kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Lập các chứng từ kế toán để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hóa dịch vụ được tiêu thụ, cung cấp, ghi nhận doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và các chỉ tiêu khác có liên quan.

- Theo dõi và thanh toán kịp thời các khoản công nợ với nhà cung cấp và khách hàng.

- Quản lý chặt chẽ tình hình biến động của hàng hóa, dịch vụ.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Chứng từ sử dụng.

Chứng từ kế toán được sử dụng để kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh :

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01- GTGT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 01- GTKT)
- Các chứng từ thnah toán (các phiếu thu chi, séc, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, giấy báo có, giấy báo nợ của NH…)
- Tờ khai thuế GTGT (mẫu 07A/GTGT)
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 14- BH)
- Thẻ quầy hàng (mẫu 15- BH)
- Các chứng từ kế toán khác liên quan.

1.2.2. Tài khoản sử dụng.

1.2.2.1. Nhóm tài khoản doanh thu

Gồm 3 tài khoản

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

➢ Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán, bao gồm:

- Hoạt động bán hàng: Bán hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào, bán bất động sản đầu tư.

- Hoạt động cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định…

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản :

Nợ	Có
-KC các khoản CKTM, giảm giá hàng bán - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp theo phương pháp trực tiếp - Số thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ - Kết chuyển doanh thu	- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 có các tiểu khoản sau:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa

- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

➢ Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, giá bán tính theo giá nội bộ.

Kết cấu, nội dung tài khoản 512 giống tài khoản 511, không có số dư cuối kỳ và được chia thành 3 tiểu khoản:

- Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- tài khoản 5122: Doanh thu bán thành phẩm
- Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

➢ Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính: Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác
- Lãi tỉ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản :

Nợ	Có
- KC doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).	- Chiết khấu thanh toán được hưởng - Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.2. Nhóm tài khoản giảm trừ doanh thu.

Gồm 3 tài khoản:

Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại

Tài khoản 531:Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 532: giảm giá hàng bán

Kết cấu nhóm TK giảm trừ doanh thu như sau:

Nợ	521, 531, 532 Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng - Doanh thu của hàng hóa bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc trừ vào khoản phải thu của khách hàng. -Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua sản phẩm hàng hóa kém chất lượng, không đúng quy cách.	- KC toàn bộ các khoản CKTM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kì sang TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 521, 531, 532 không có số dư cuối kì.

1.2.2.3. Nhóm tài khoản xác định giá vốn, chi phí.

➢ Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán: phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Ngoài ra tài khoản này còn sử dụng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí sửa chữa, khấu hao, cho thuê bất động sản đầu tư, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Trị giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ được xác định như sau:

Trị giá vốn hàng Tiêu thụ trong kỳ = Trị giá mua hàng Tiêu thụ trong kỳ + Chi phí thu mua phân bổ cho hàng Tiêu thụ trong kỳ

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

Nợ 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ.	- Các khoản giảm giá vốn trong kì. - KC sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kì.

➢ Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản :

Nợ	635	Có
- CF lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê TS tài chính - Lỗ bán ngoại tệ - Chiết khấu thanh toán cho người mua - Các khoản lỗ do thanh lí, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm TC các khoản tiền có gốc ngoại tệ của HĐKD. - Lỗ tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác. - KC hoặc phân bổ chênh lệch tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn - KC toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì để xác định kết quả kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kì.

- Tài khoản 641,642: Chi phi bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản :

Nợ	641,642	Có
- Các chi phí liên quan đến quá trình bán hàng hóa, sản phẩm cung cấp dịch vụ. - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kì. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- KC chi phí bán hàng, chi phí quản lí doanh nghiệp sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

Tài khoản 641, 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.4. Nhóm tài khoản xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động khác.

➢ Tài khoản 711: Thu nhập khác

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

Nợ	711	Có
- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp(nếu có).		- KC các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

➢ Tài khoản 811: Chi phí khác

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

Nợ	811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kì.		- KC các khoản chi phí khác phát sinh trong kì sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Nhóm Tài khoản 711 , 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.5. Nhóm tài khoản xác định kết quả kinh doanh .

➢ Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh :Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản :

Nợ	911	Có
- Trị giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã cung cấp và bất động sản đầu tư - Chí phí HĐTC, chi phí thuế TNDN, chi phí khác. - KC lãi sau thuế.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, cung cấp dịch vụ và bất động sản đầu tư đã bán trong kì - Doanh thu HĐTC, các khoản thu nhập khác, khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - KC lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3. Hạch toán một số nghiệp vụ kế toán chủ yếu.

1.2.3.1. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp.

Phương thức bán hàng trực tiếp là phương thức mà trong đó người bán (doanh nghiệp) giao sản phẩm cho người mua (khách hàng) trực tiếp tại kho hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho. Số hàng khi bán giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao trực tiếp.

Sơ đồ 1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp.

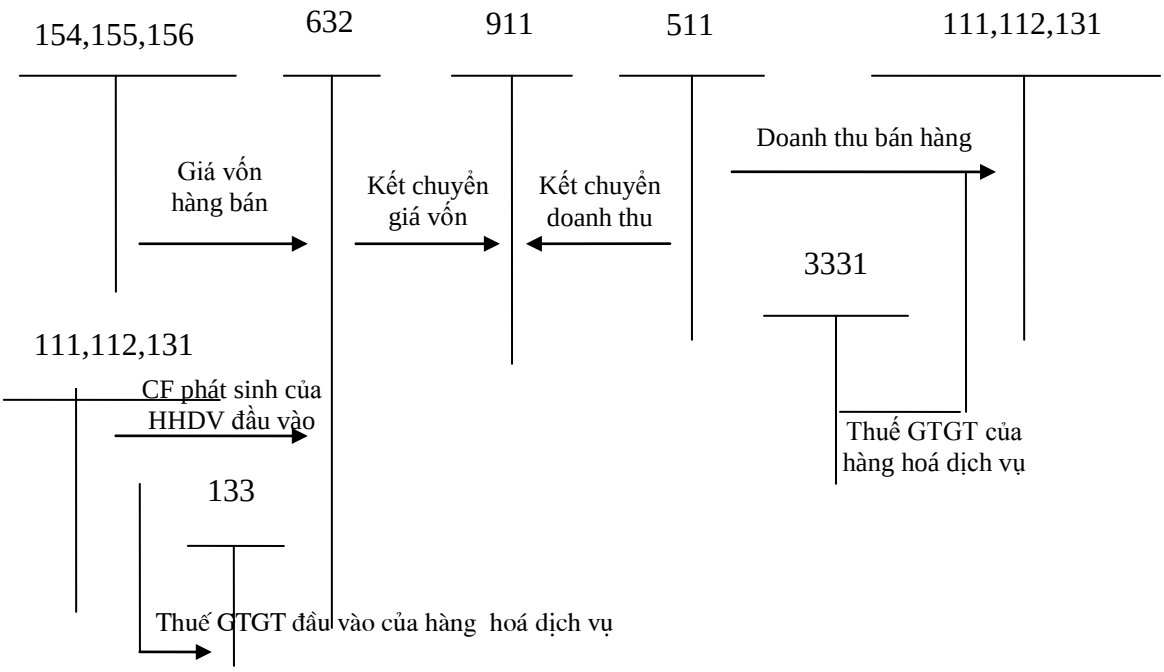

1.2.3.2. Hạch toán nghiệp vụ theo phương thức gửi đại lý.

Bán hàng gửi đại lý là phương thức mà bên chủ hàng xuất hàng giao cho bên nhận đại lý ký gửi để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hòng đại lý hoặc chênh lệch giá. Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng giữa hai bên và giao hàng tại địa điểm đã quy ước trong hợp đồng.

Khi xuất kho gửi đi bán, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nên chưa xác định là tiêu thu, chưa hạch toán vào doanh thu. Hàng gửi di bán chỉ được xác định là tiêu thụ để hạch toán vào doanh thu trong các trường hợp sau đây:

- Doanh nghiệp đã nhận được tiền do khách hàng trả (tiền mặt, giấy báo có của ngân hàng, sec)
- Khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán.
- Khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán

Trình tự hạch toán:

* Kế toán tại đơn vị giao đại lý:

Sơ đồ 2 :Kế toán tiêu thụ cho đơn vị giao đại lý

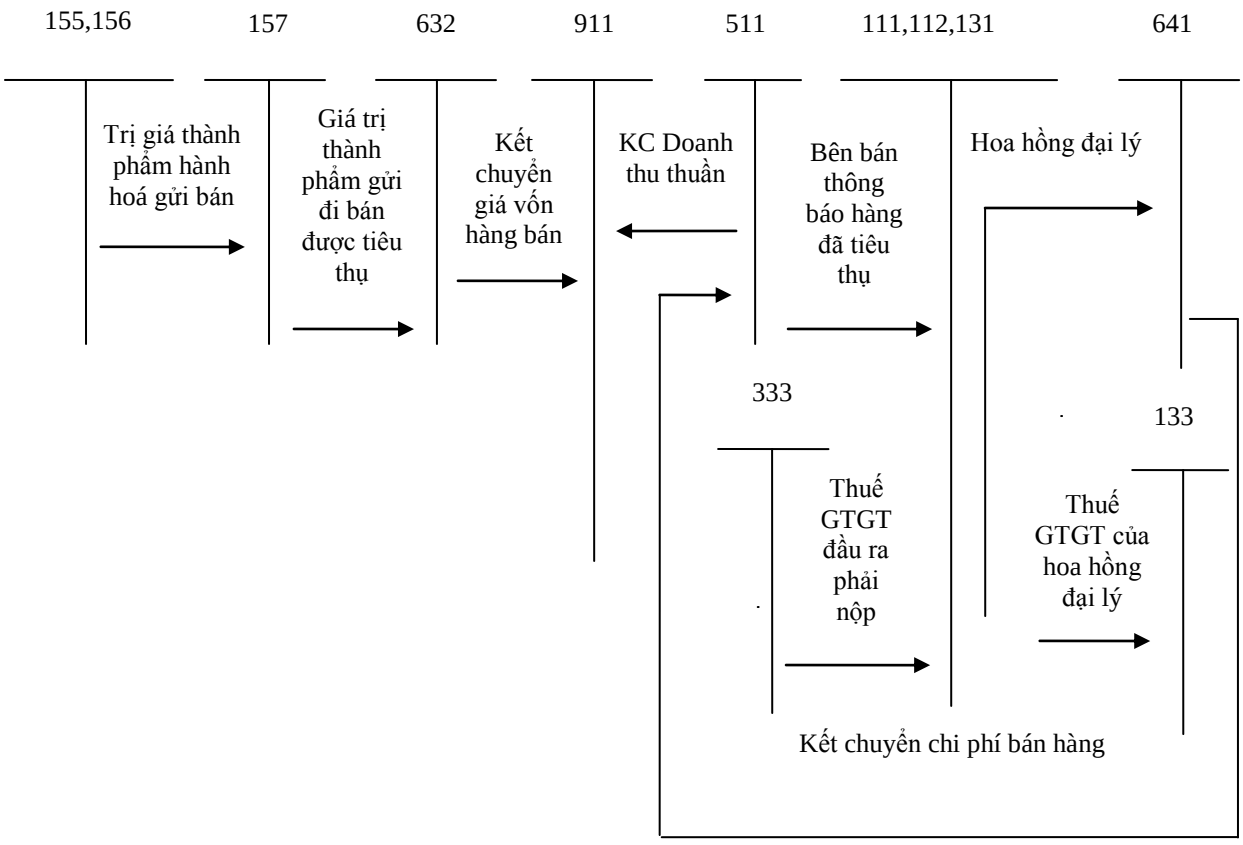

▼

* Kế toán tại đơn vị nhận đại lý: Kế toán ghi nhận toàn bộ trị giá vốn số hàng này vào bên Nợ TK 003- Hàng nhận bán hộ, ký gửi.

Khi hàng được xác định là tiêu thụ, ghi vào bên Có Tk 003. Doanh thu bán hàng là toàn bộ hoa hồng đại lý được hưởng.

Sơ đồ 3: Kế toán tiêu thụ tại đơn vị nhận đại lý.

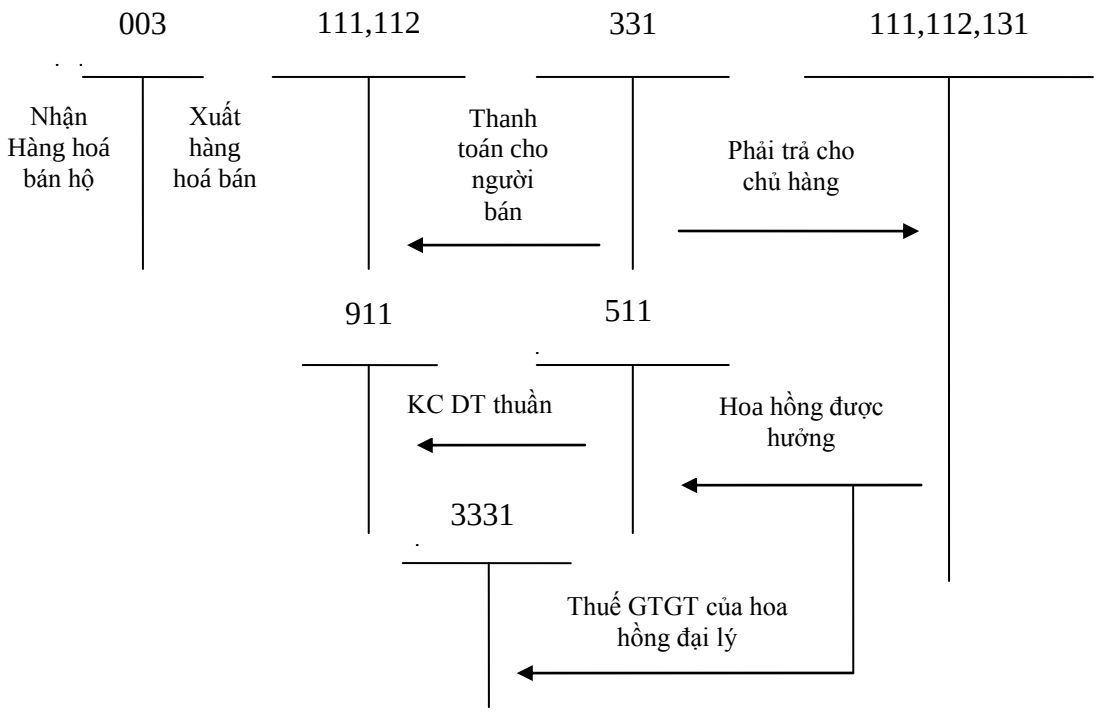

1.2.3.3. Bán hàng trả góp, trả chậm.

Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm là phương thức bán hàng thu tiền nhieuf lần. Người mua sẽ thanh toán một phần ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỉ lệ lãi suất nhất định quy định trong hợp đồng. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Về mặt hạch toán, khi giao hang cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới hết quyền sở hữu số hàng đó.

Sơ đồ 4: Kế toán bán hàng trả chậm, trả góp.

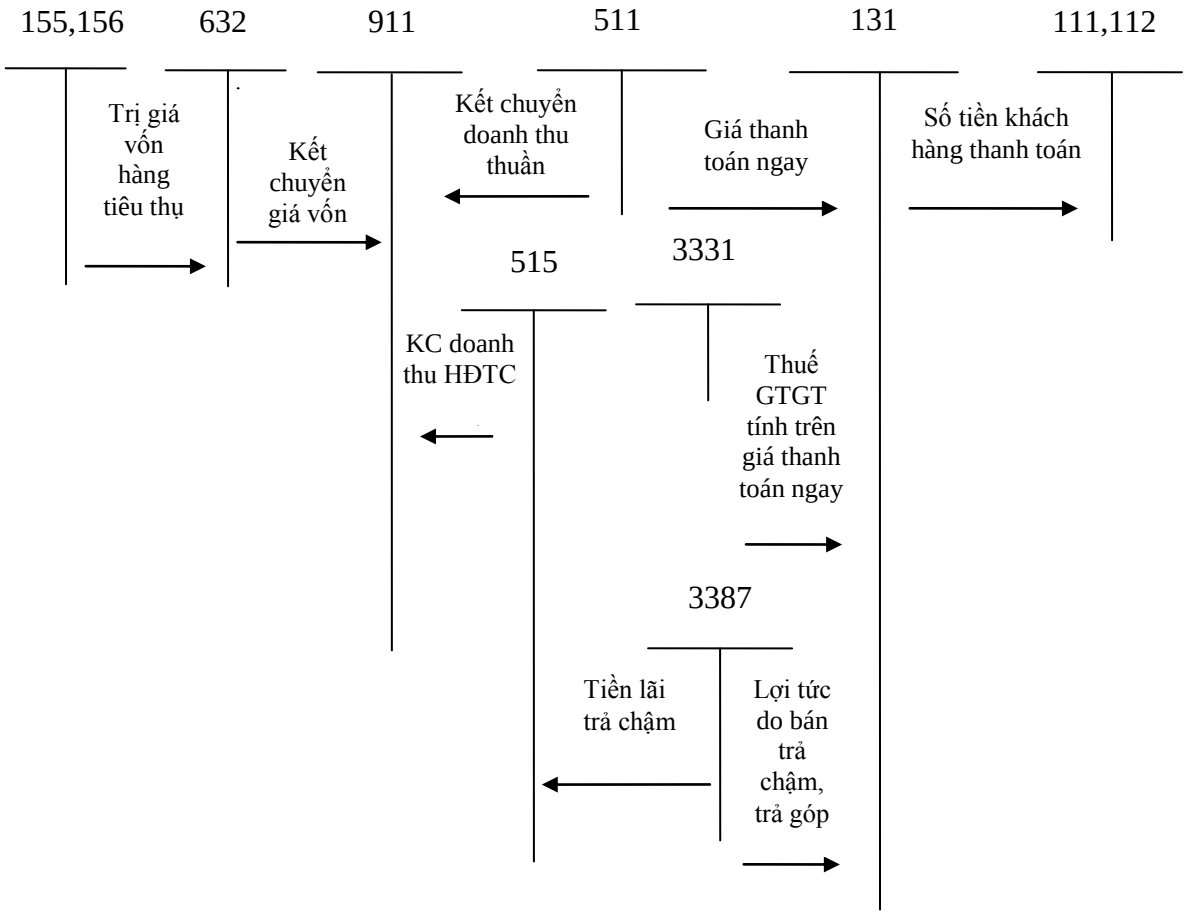

1.2.3.4. Hạch toán bán hàng nội bộ.

Tiêu thuản phẩm nội bộ là hình thức bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, các cửa hàng… ở các địa phương để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, các đơn vị phụ thuộc với nhau.

Sơ đồ 5: Kế toán bán hàng nội bộ

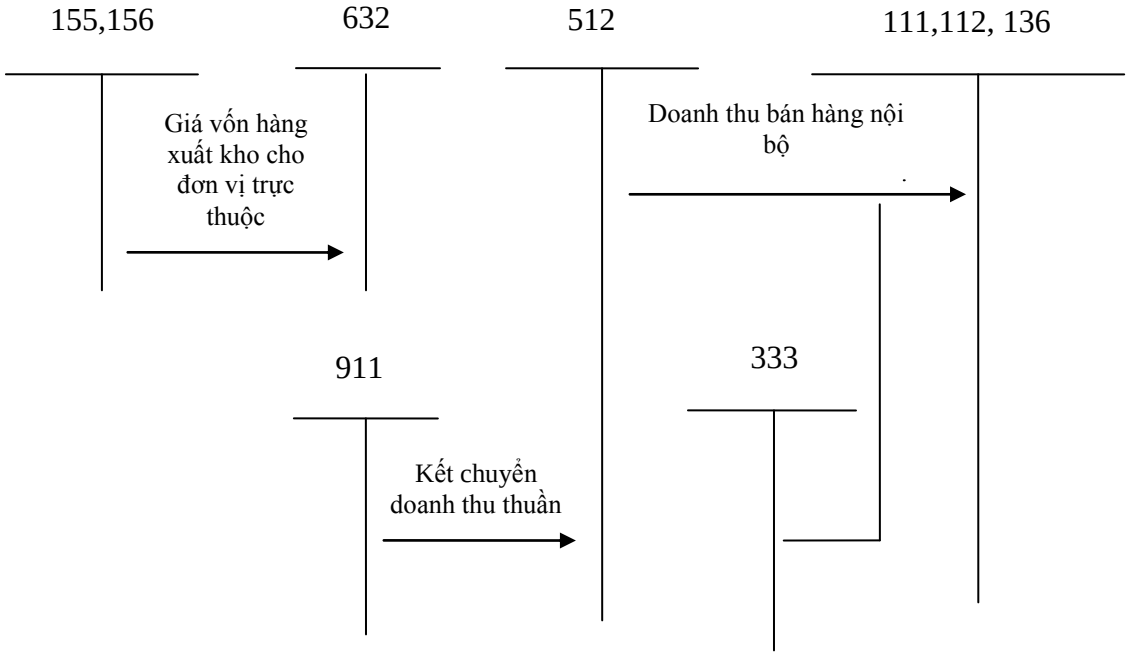

1.2.4. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Sơ đồ 6: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

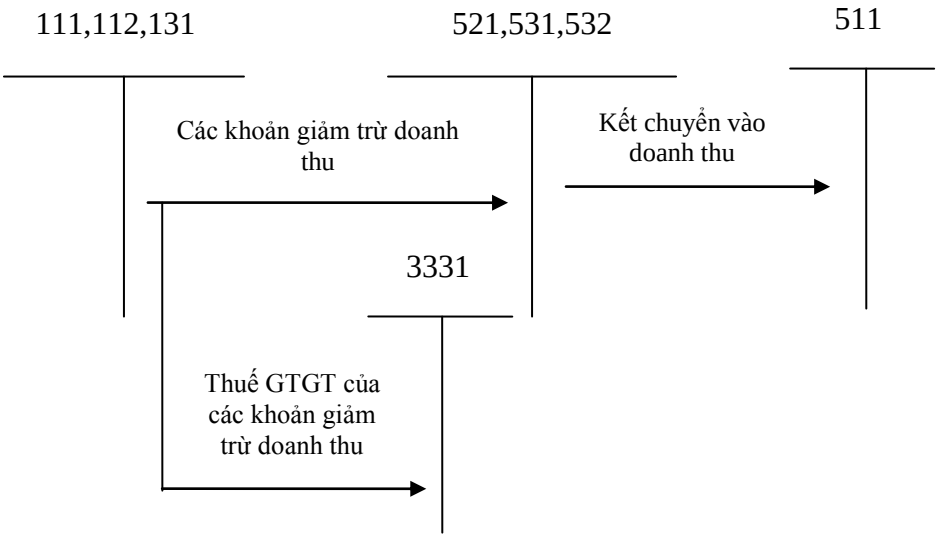

Trường hợp hàng bán bị trả lại phản ánh thêm nghiệp vụ sau:

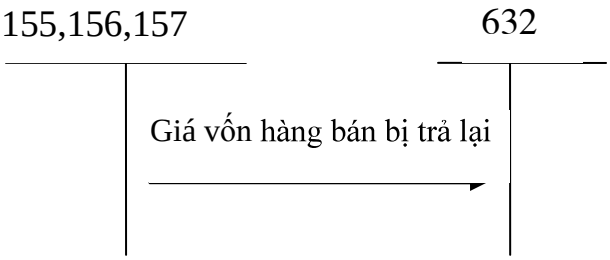

1.2.5. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính

1.2.5.1. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Sơ đồ 7: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

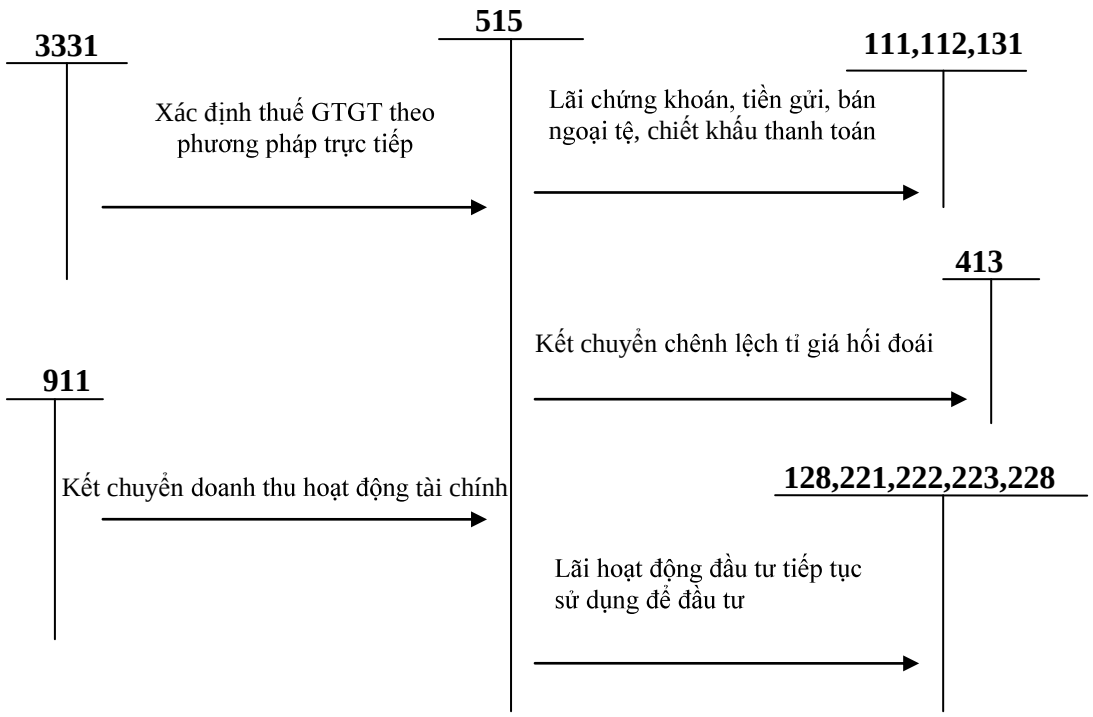

1.2.5.2. Hạch toán chi phí hoạt động tài chính

Sơ đồ 8: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.

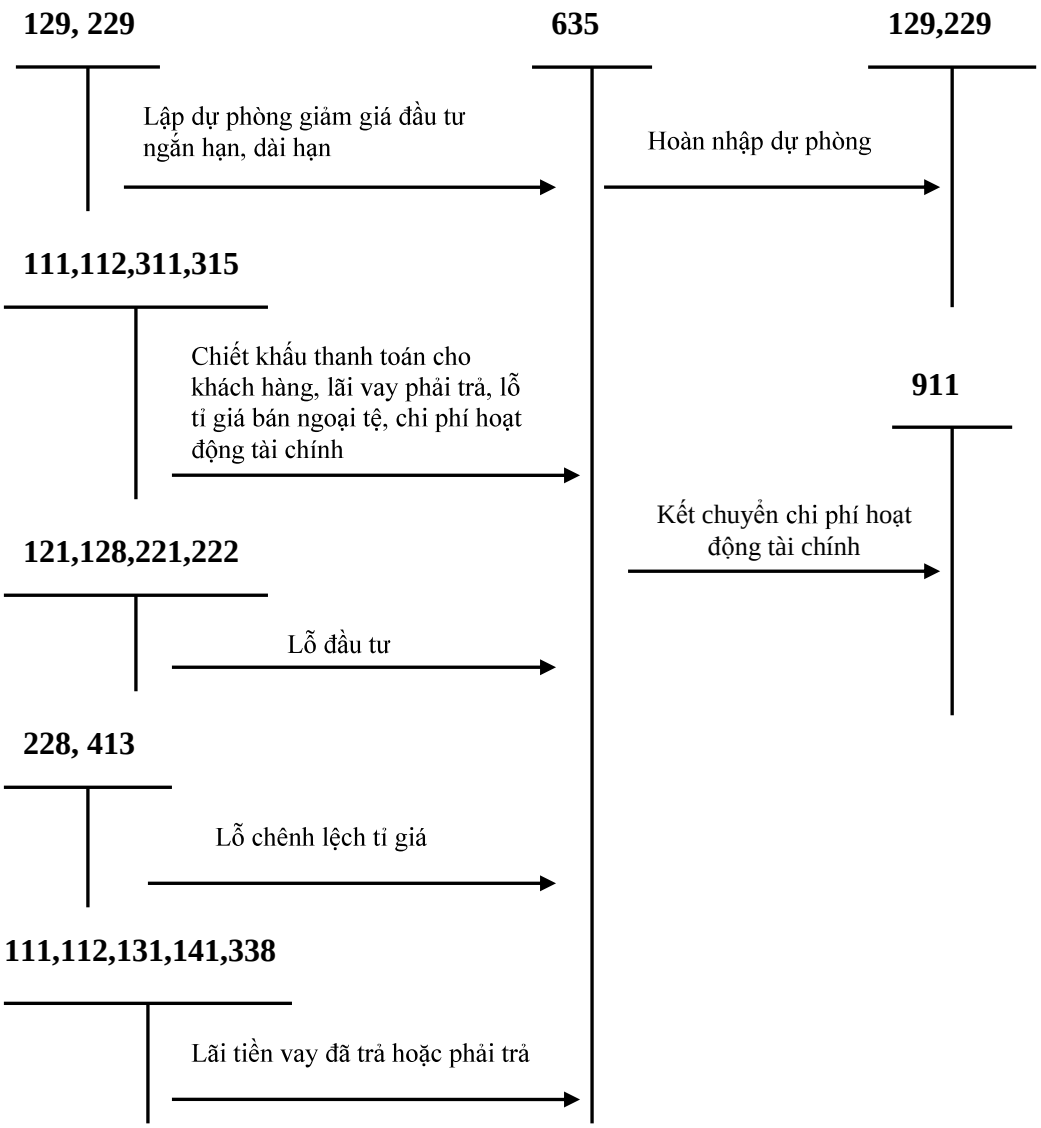

1.2.6. Hạch toán thu nhập khác, chi phí khác.

1.2.6.1. Hạch toán thu nhập khác.

Sơ đồ 9: Hạch toán thu nhập khác

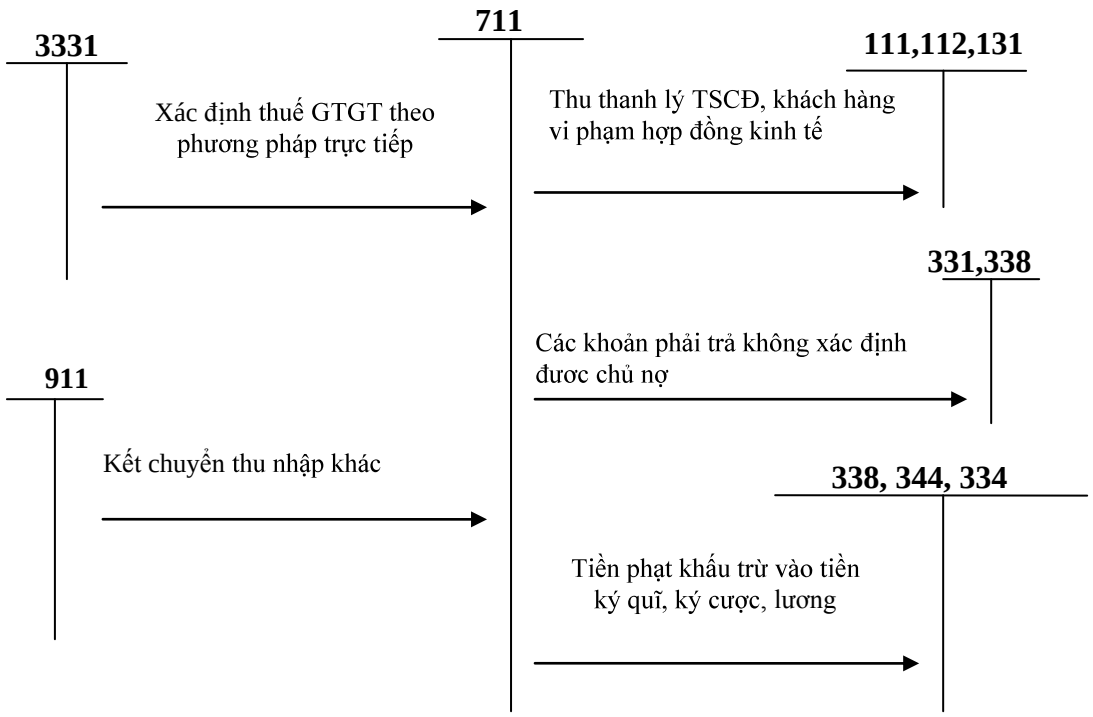

1.2.6.2. Hạch toán chi phí khác

Sơ đồ 10: Hạch toán chi phí khác.

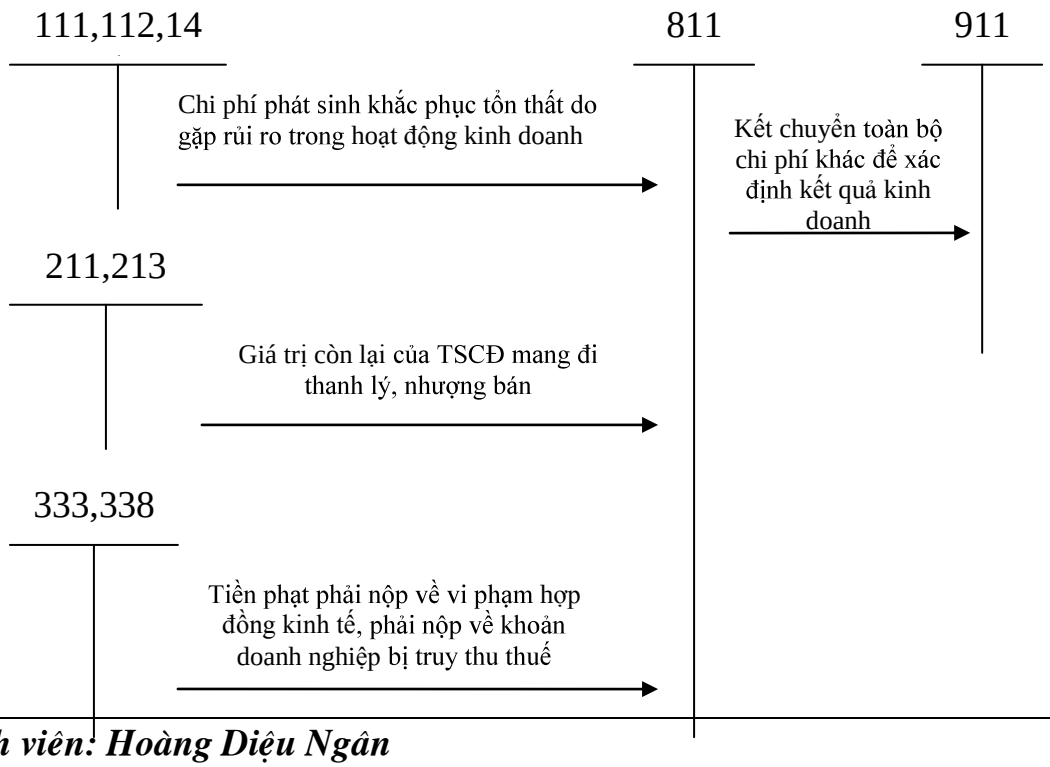

1.2.7.Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 11:Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

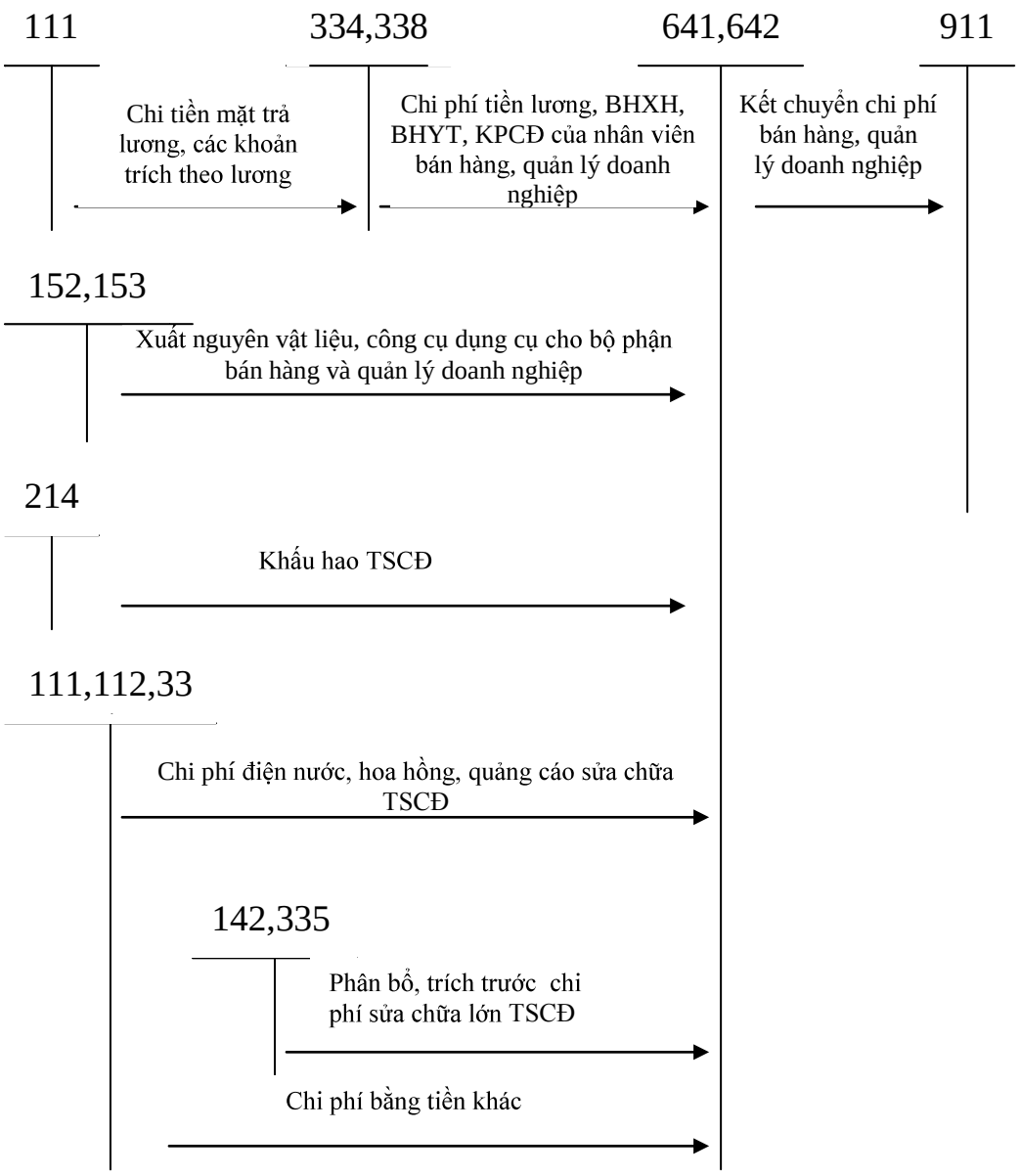

1.2.8. Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

Sơ đồ 12: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh

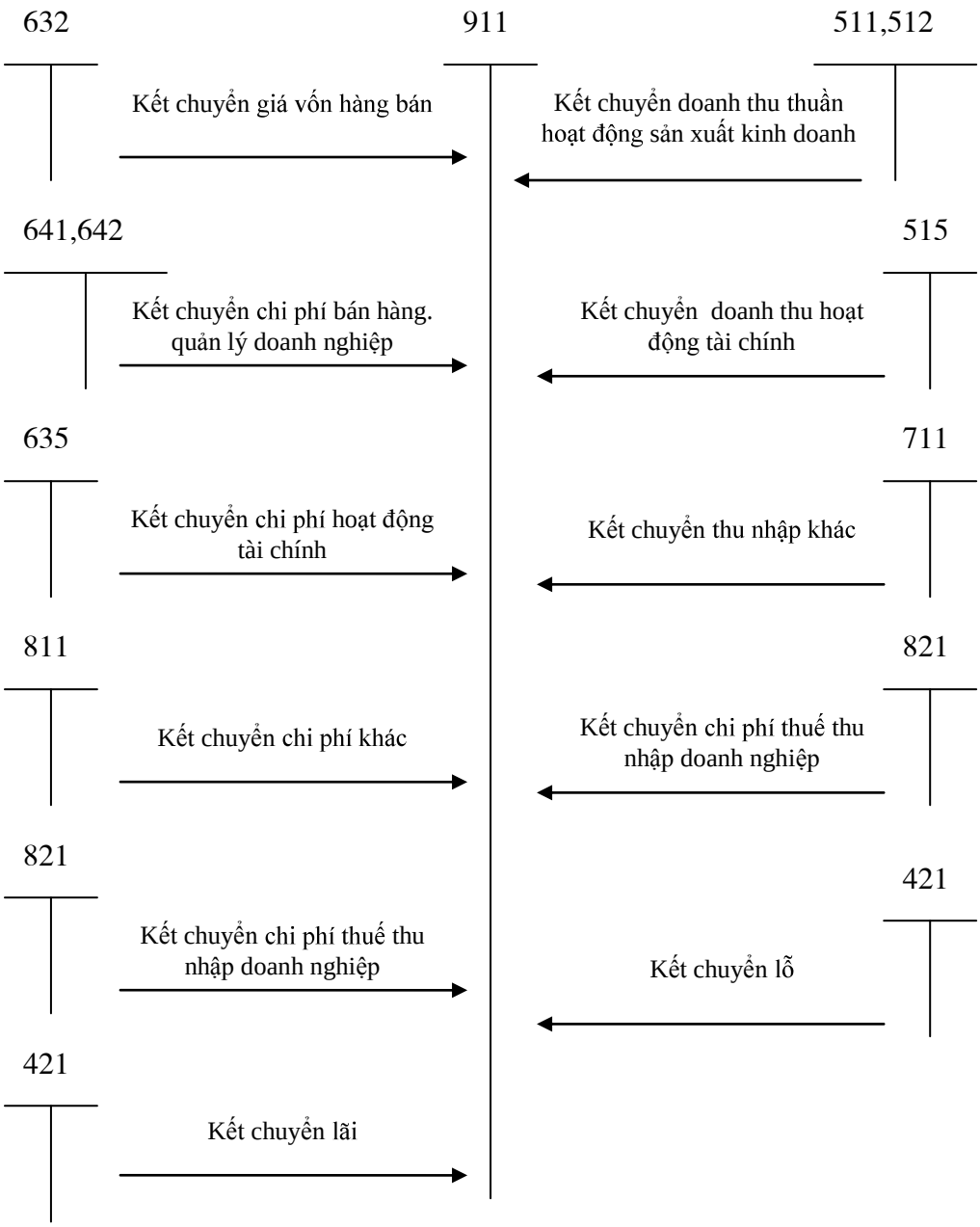

1.3. Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp.

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu trữ toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp.

Các loại sổ kế toán về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh :

- Hệ thống sổ kế toán chi tiết

Để phục vụ yêu cầu về quản lý chi tiết doanh thu , xác định kết quả kinh doanh kế toán mở sổ chi tiết các tài khoản 511, 512, 531, 532…

- Hệ thống sổ kế toán tổng hợp

Tùy theo từng hinh thức kế toán doanh nghiệp áp dụng mà hệ thống sổ kế toán tổng hợp sẽ khác nhau.

*** Hình thức Nhật kí chung.**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật kí, mà trọng tâm là sổ nhật kí chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nôi dung kinh tế để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hình thức nhật kí chung bao gồm các sổ:

- Sổ nhật kí chung, sổ nhật kí đặc biệt (sổ nhật kí thu tiền, sổ nhật kí chi tiền, sổ nhật kí mua hàng, sổ nhật kí bán hàng)
- Sổ cái
- Các sổ chi tiết, tổng hợp liên quan

CHƯƠNG II:
THỰC TẾ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI QUANG HƯNG, CHI NHÁNH HẢI PHÒNG.

2.1. Tổng quan về công ty.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, còn gọi tắt là công ty Sunnytrans, được thành lập từ năm 1995, là một trong những công ty đầu tiên trong ngành đại lý hàng hải Việt Nam.

Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm hàng hải và hàng không, hiểu biết pháp luật Việt Nam và quốc tế, thông thạo nhiều ngoại ngữ, công ty có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ có chất lượng cao, an toàn, hiệu quả và đúng tiến độ.

Lĩnh vực hoạt động chính của công ty :

- Đại lý hàng hải(đại lý tàu chợ, tàu chuyến , môi giới thuê tàu…)
- Giao nhận vận tải(hàng nặng và hàng công trình bằng đường biển và đường hàng không).

Văn phòng chính:

- Địa chỉ: Số 146 đường Khánh Hội, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-8) 9402741
- Fax: (84-8) 9402740
- E-mai : info@sunnytrans.com.vn
- Wedside: www.sunnytrans.com.vn
- Mã số thuế: 0301245691.

Chi nhánh của công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng tại Hải Phòng được thành lập từ tháng 2 năm 2002, tại địa chỉ phòng 7, 8 tầng 3 tòa nhà Thành Đạt, số 3 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng. Với đội ngũ cán

bộ công nhân viên được xét tuyển kỹ càng, trình độ nghiệp vụ cao, tinh thần trách nhiệm làm việc tốt đã góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của công ty.

2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của công ty.

➢ **Thuận lợi**

- Theo đà phát triển của những năm gần đây, đặc biệt là việc Việt Nam chính thức gia nhập WTO đã đem lại những thuận lợi lớn cho công ty, mở rộng thị trường và khối lượng khách hàng mà công ty cung cấp dịch vụ.

- Cơ chế chính sách của nhà nước ngày càng sát sao và đúng hướng hơn, giúp cho các hoạt động kinh doanh của công ty được hoàn thành nhanh hơn, tiết kiệm hơn (làm thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập cảng…)

- Đội ngũ nhân viên được đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ tốt, không ngừng nâng cao cải thiện trình độ, sẵn sàng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khách hàng.

➢ **Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi cũng tồn tại những khó khăn mà lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty cần đoàn kết để vượt qua:

- Sự cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt do có nhiều công ty mới được thành lập, cùng hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ giao nhận vận tải.

- Giá cả thị trường ngày càng tăng, ảnh hưởng tới giá cả dịch vụ mà công ty cung cấp cho khách hàng.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng tổ chức mô hình quản lý theo kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao chất lượng đội ngũ công nhân viên có trình độ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.

Dưới đây là mô hình cơ cấu tổ chức của công ty:

Sơ đồ 10: Mô hình cơ cấu tổ chức công ty

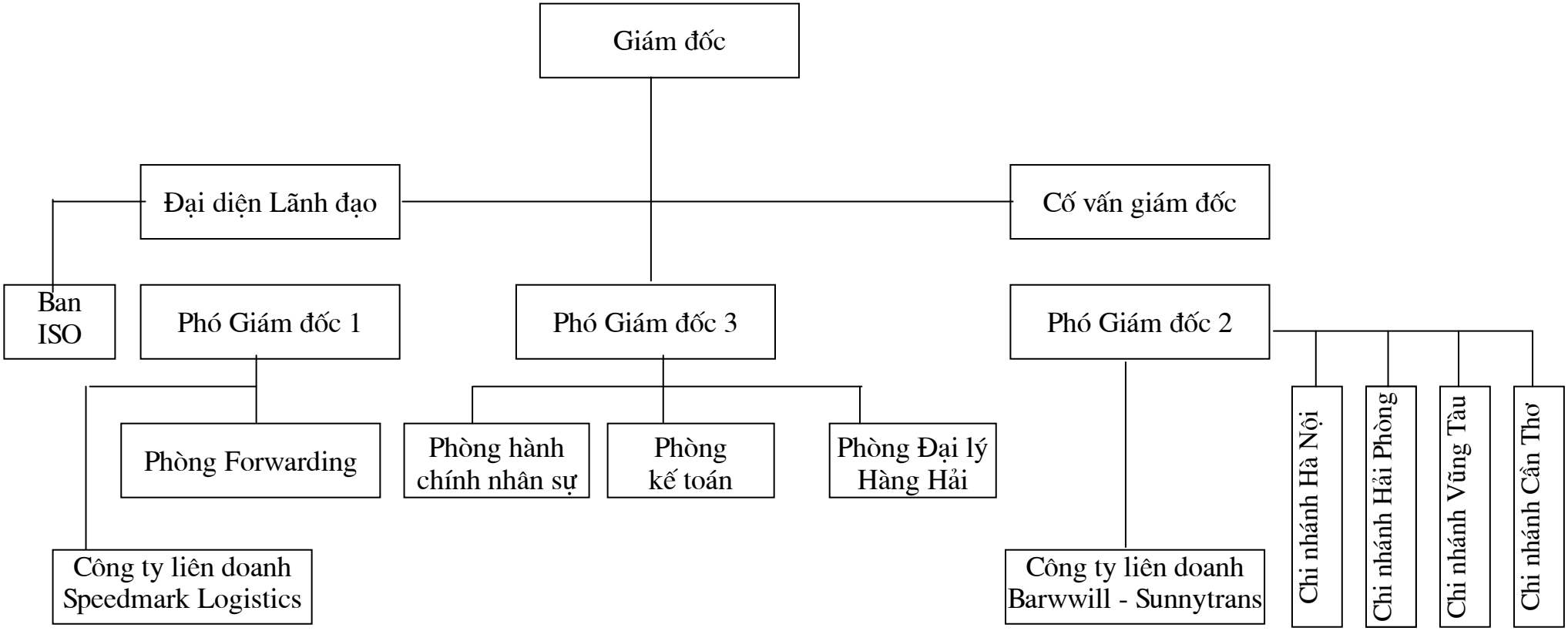

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhiệm gọi là phòng Tài chính kế toán. Trong phòng, kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán toàn công ty. Bộ máy kế toán của công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng được tổ chức theo hình thức tập trung.

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:

-Kế toán trưởng (trưởng phòng): Phụ trách công tác kế toán chung cho toàn công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho toàn đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên canh đó, kế toán trưởng cũng theo dõi các phần hành sau: theo dõi thanh toán với ngân sách, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõ TSCĐ và kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức việc tạo, huy động sử dụng vốn có hiệu quả nhất.

- Kế toán tiền lương kiêm kế toán công nợ:

+ Hàng tháng kế toán có nhiệm vụ tính lương cho công nhân viên toàn công ty. Đồng thời kế toán phản ánh việc trích BHXH, BHYT cho từng công nhân viên.

+ Kế toán viên theo dõi các chứng từ liên quan đến khoản phải thu, phải trả, tài khoản 331, 131, 141

- Kế toán Tổng hợp kiêm kế toán TSCĐ:

+ Kế toán viên trích khấu hao TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ trong công ty

+ Kế toán viên có trách nhiệm phụ tránh bao quát tất cả số liệu tiền lương, TSCĐ, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có thể cung cấp một cách chính xác bất kì lúc nào các số liệu cho kế toán trưởng hay ban giám đốc.

- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu và chứng từ chi, giấy tạm ứng…Cuối tháng, thủ quỹ lập báo cáo tổng quỹ tiền mặt theo quy định.

Tại chi nhánh Hải Phòng, do qui mô chi nhánh nhỏ gọn, bộ phận kế toán tài chính gồm có:

- Một thủ quỹ: có nhiệm vụ thu, chi tiền mặt trên cơ sở các loại chứng từ, lập báo cáo tổng quỹ tiền mặt

- Một kế toán trưởng: có nhiệm vụ thực hiện tất cả các phần hành kế toán tại chi nhánh Hải Phòng.

Sơ đồ 10: Bộ máy kế toán của công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng.

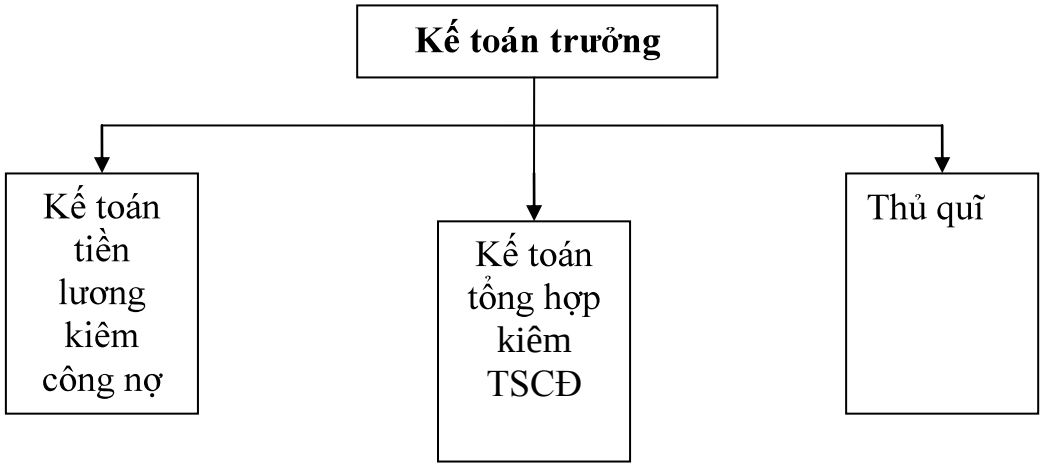

2.1.4.2. Tổ chức công tác kế toán.

➢ Xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, quy mô khối lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời căn cứ vào yêu cầu của trình độ quản lý, trình độ nghiệp vụ kế toán, công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung.

Đối với các doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung thì hệ thống sổ sách kế toán tổng hợp sử dụng để hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh bao gồm một số loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái

- Sổ quỹ
- Sổ chi tiết các tài khoản
- Sổ tổng hợp chi tiết các tài khoản

➢ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật kí chung.

Hằng ngày căn cứ vào các hóa đơn chứng từ, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế để ghi vào sổ cái từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, từ đó lập các sổ khác có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ để tính ra tỏng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong thánh, tính ra tổng số tiền bên nợ, tổng số tiền bên có của các tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái, lập các sổ chi tiết và tổng hợp, từ đó lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Biểu số 02:

Sơ đồ 11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức "Nhật kí chung"

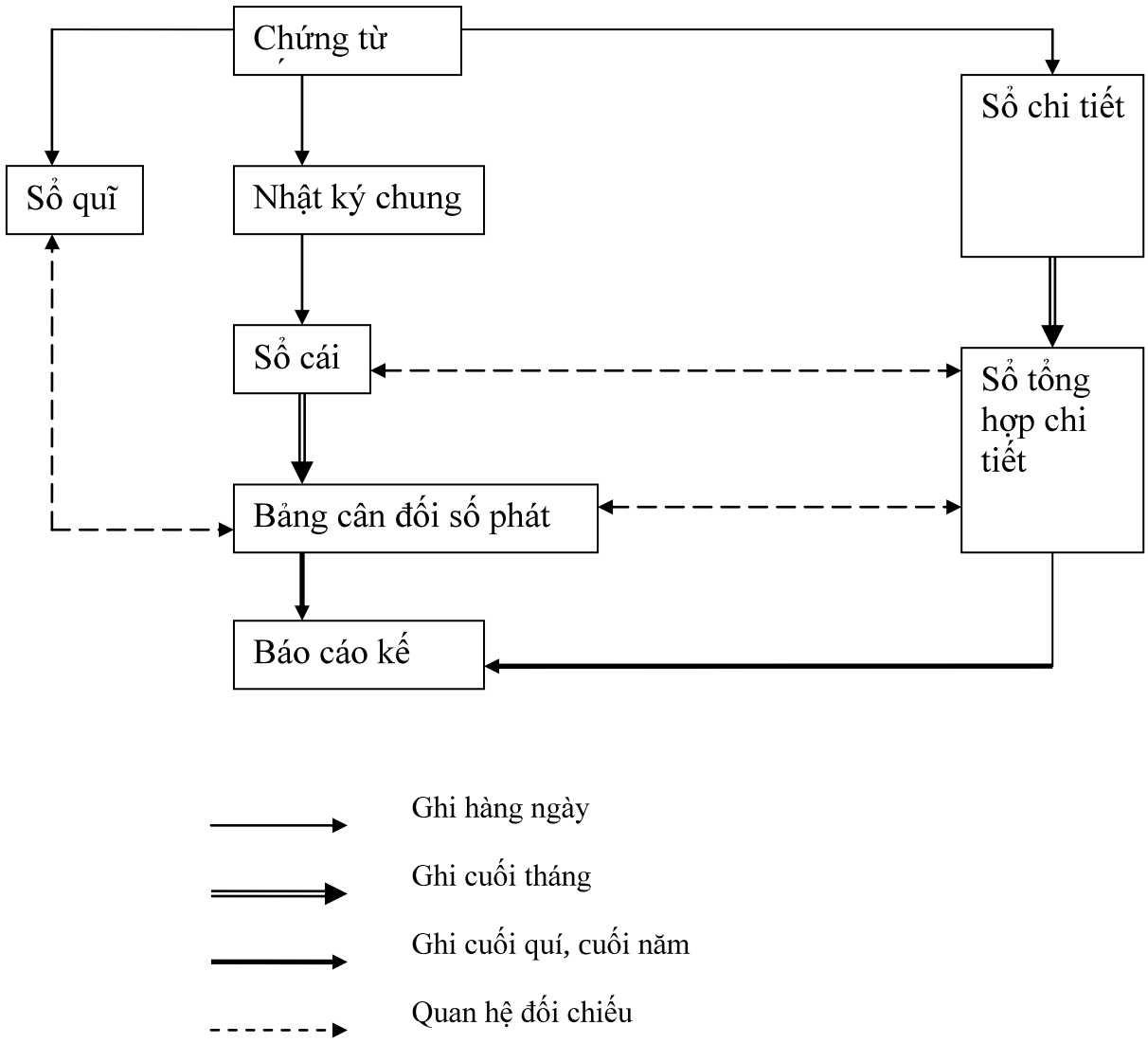

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, chi nhánh Hải Phòng.

Tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, việc hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng quý. Trong quý, kế toán tập hợp chi phí, doanh thu phát sinh theo đúng trình tự lập, luân chuyển chứng từ, định khoản, ghi sổ và lưu trữ phù hợp với chuẩn mực quy

định. Cuối quý, kế toán tính toán và kết chuyển các số liệu, tính ra kết quả kinh doanh của quý và lập báo cáo tài chính trình ban lãnh đạo. Căn cứ trên những số liệu đó, lãnh đạo công ty sẽ đưa ra những quyết định kinh doanh phù hợp với mục tiêu và khả năng của doanh nghiệp.

Sau đây, bài viết xin trình bày về thực trạng hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng (chi nhánh Hải Phòng) quý IV/ 2008.

2.2.1. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng (chi nhánh Hải Phòng) bao gồm:

- Hoạt động đại lý hàng hải: công ty nhận làm đại lý cho một số hãng tàu quốc tế (tàu chợ, tàu chuyến, môi giới thuê tàu).

- Hoạt động giao nhận vận tải qua đường bộ, đường biển và đường hàng không.

➢ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, hóa đơn cung cấp dịch vụ ...

➢ Tài khoản sử dụng: TK 511, 3331, 131

➢ Phương pháp hạch toán:

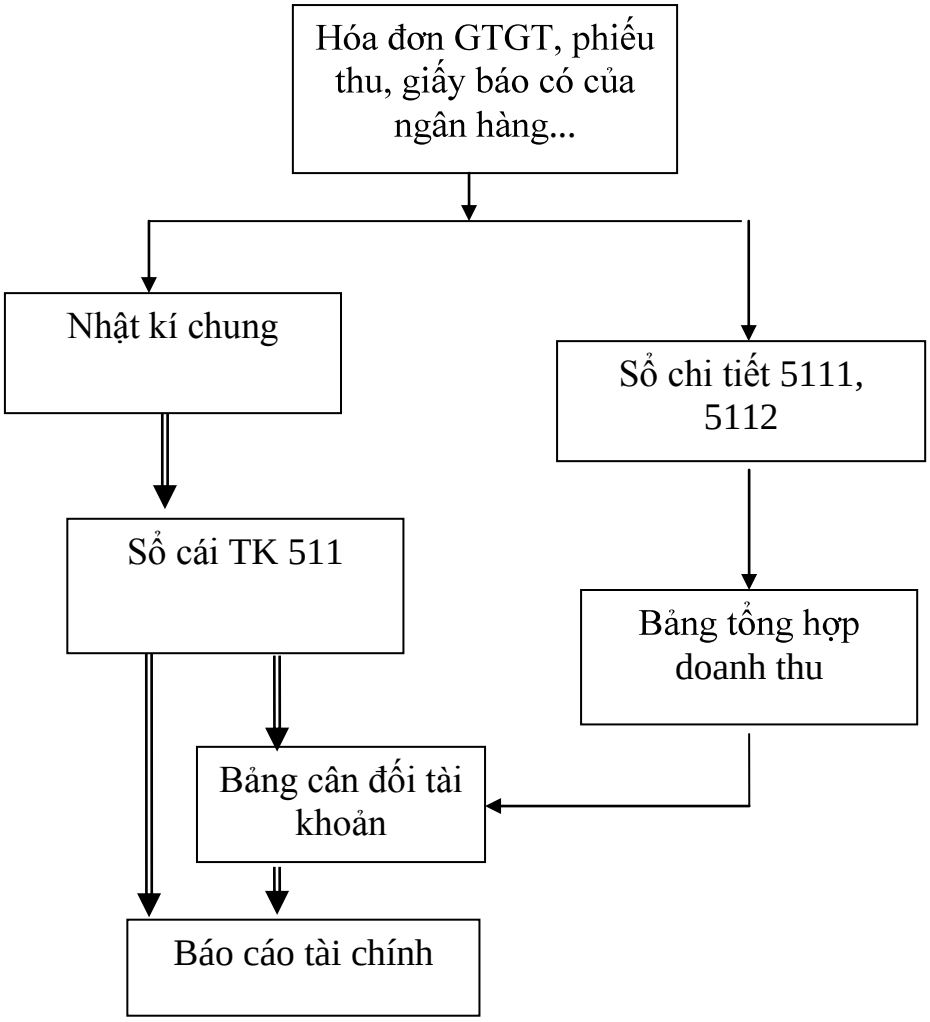

Ví dụ.

1. Ngày 31/12/2008, công ty thu:

- Phí vận đơn (D/O): 7.315.455 đồng

-Phí đại lý, phí vệ sinh cont, phí THC (phí làm hàng tại cảng): 12.862.500 đồng

của công ty TNHH may Tinh Lợi, tổng số tiền 21.552.625 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn thuế GTGT, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính để in ra phiếu thu số 54. Từ đó, lập sổ nhật kí chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 511, 5112 và các sổ khác có liên quan.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Mẫu số: 01 GTKT- 3LL NL/2008B 0032617

Đơn vị bán hàng: CN Công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng.

Địa chỉ: Phòng 7,8 tầng 3, tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ, HP.

Mã số: 0301245691-002

Số tài khoản: 31000088513

Họ tên người mua: Công ty TNHH may Tinh Lợi

Tên đơn vị:

Địa chỉ: KCN Nam Sách, Hải Dương.

Mã số: 0800291164

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thu phí chứng từ				3.272.727
2	Thu phí handling				3.272.727
3	Vệ sinh cont	cont 40'	1		770.000
	MB/L: SQ742S,HPH102				
Cộng tiền hàng:					7.315.455
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			731.545
Tổng cộng tiền thanh toán					8.047.000

Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu không trăm bốn bảy nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên) Nguyễn Thị Thái	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Trần Quốc Hương

Mẫu số: 01
GTKT- 3LL
NL/2008B
0032618

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị bán hàng: CN Công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng.
Địa chỉ: Phòng 7,8 tầng 3, tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ, HP.
Mã số: 0301245691-002
Số tài khoản: 31000088513

Họ tên người mua: Công ty TNHH may Tinh Lợi
Tên đơn vị:
Địa chỉ: KCN Nam Sách, Hải Dương.
Mã số: 0800291164
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: Tiền mặt.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thu phí THC	cont 40'	1		12.862.500
	(Phí làm hàng tại cảng)				
	MB/L: SQ742S,HPH102				
Cộng tiền hàng:					12.862.500
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT:			643.125
Tổng cộng tiền thanh toán					13.505.625

Số tiền viết bằng chữ: Mười ba tăm triệu năm lẻ năm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
	Nguyễn Thị Thái	Trần Quốc Hương

CN Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng
Tầng 3 toà nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông,NQ, HP

Mẫu số S03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...	....	....	....	....	....	...	...
30/12/08	PC 24	30/12/08	Mua mực cho máy in	642		572.000	
				133		57.200	
					111		629.200
30/12/08	PC 25	30/12/08	Trả tiền điện tháng 12/2008	642		622.300	
				133		62.230	
					111		684.530
30/12/08	PC 26	30/12/08	Chi phí tiếp khách	642		2.230.000	
					111		2.230.000
30/12/08	PC 27	30/12/08	Trả lương cho nhân viên T12/2008	642		38.958.000	
					111		38.958.000
31/12/08	PT 54	31/12/08	Thu phí D/O, đại lý, VSC,THC của Công ty TNHH may Tinh Lợi	111		21.552.625	
					5111		7.315.455
					5112		12.862.500
					3331		1.374.670
...	....	...	...	...	...	...	...
31/12/08	KC	31/12/08	Kết chuyển	511			
					911	322.619.181	322.619.181
….	…	…	…	…	…	…	…
			Cộng chuyển trang sau			3.125.268.500	3.125.268.500
			Cộng luỹ kế				

Kế toán trưởng
Trần Minh Hoà

Thủ trưởng đơn vị
Trần Quốc Hương

Mẫu số S35-DN

CN Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

T3 tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ,HP

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên dịch vụ: Phí bill, D/O, đại lý, Vệ sinh cont

Quí IV năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521, 531,522)
…	…	…	…	…	…	…	..	…	…
29/12/08	PT 52	29/12/08	Thu phí vệ sinh cont của Newstar	112			377.357		
30/12/08	PT 53	30/12/08	Thu phí bill của công ty Huy Hoàng	111			1.504.982		
31/12/08	PT 54	31/12/08	Thu phí D/O, đại lý,VSC của Công ty TNHH may Tinh Lợi	111			7.315.455		
31/12/08	PT 55	31/12/08	Thu phí bill của công ty Golden Sun	112			563.035		
…	…	…	…	…	…	…			
31/12/08	KC	31/12/08	Kết chuyển	911	103.763.450				
			Cộng số phát sinh		103.763.450		103.763.450		
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Kế toán trưởng

Trần Minh Hòa

Mẫu số S35-DN

CN Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng

T3 tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ,HP

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên dịch vụ: Phí THC, cước biển

Quí IV năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531,522)
…	…	…	…	…	…	…	..	…	…
29/12/08	PT 48	29/12/08	Thu phí THC của K Line	111			1.344.982		
29/12/08	PT 52	29/12/08	Thu phí THC của Newstar	112			961.705		
29/12/08	PT 53	29/12/08	Thu phí THC của công ty Nam Trung	111			536.065		
31/12/08	PT 54	31/12/08	Thu phí THC của Công ty TNHH may Tinh Lợi	111			12.862.500		
…	…	…	…	…	…	…	…		
31/12/08	KC	31/12/08	Kết chuyển	911	54.308.467				
			Cộng số phát sinh		54.308.467		54.308.467		
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Kế toán trưởng

Trần Minh Hòa

CN Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng
T3 tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ,HP

Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu
Quí IV năm 2009

Doanh thu chi tiết	Số tiền	
	Nợ	Có
1.Phí Bill (chứng từ)		37.022.589
2.Phí D/O (vận đơn)		41.619.066
3.Phí vệ sinh cont		8.921.374
4.Phí đại lý		16.200.421
5.Phí THC		48.852.738
6.Cước biển		5.455.729
Kết chuyển	158.071.917	
Cộng	158.071.917	158.071.917

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty TNHH dịch vụ GNVT Quang Hưng (CN Hải Phòng) gồm có:

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán

2.2.1.2.1. Chiết khấu thương mại.

➢ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng...

➢ Tài khoản sử dụng: TK 521, 3331, 111,112

➢ Phương pháp hạch toán:

Khi khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty với khối lượng dịch vụ lớn, công ty sẽ thực hiện chiết khấu cho khách hàng theo đúng hợp đồng đã thỏa thuận.

Khi khách hàng được hưởng chiết khấu, kế toán ghi rõ khoản chiết khấu thương mại trên hóa đơn cung cấp dịch vụ. Căn cứ vào hóa đơn, lập các sổ sách liên quan và kế toán ghi giảm doanh thu.

➢ Ví dụ:

Ngày 18/11/2008, Chi nhánh Hải Phòng của công ty TNHH dịch vụ GNVT Quang Hưng cung cấp dịch vụ chuyên chở 10 container hàng hóa (cont 40') từ cảng Hải Phòng tới cảng Hong Kong cho công ty TNHH "K" Line Việt Nam (chi nhánh Hải Phòng). Giá dịch vụ là 130USD/ 1 cont 40' (chưa kể phí THC, phí Bill, vệ sinh cont), khách hàng thanh toán bằng tiền mặt. Theo hợp đồng đã thỏa thuận, công ty cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại, mức hưởng là 5% trên tổng giá trị dịch vụ (không bao gồm phí THC, Bill, vệ sinh cont).

Tỷ giá tại thời diểm giao dịch: 17 489 đồng/USD.

Căn cứ vào chứng từ sổ sách, kế toán tiến hành viết phiếu thu số 65, ghi sổ và thực hiện các bút toán liên quan.

HÓA ĐƠN

00A0 Mẫu số: 01 GTKT- 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG NL/2008B

Liên 3: Nội bộ 019845

Ngày 18 tháng 11 năm 2008

Đơn vị bán hàng: CN Công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng.
Địa chỉ: Phòng 7,8 tầng 3, tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ, HP.
Mã số: 0301245691-002
Số tài khoản: 31000088513

Họ tên người mua: Công ty TNHH "K" Line Việt Nam, CN HP
Tên đơn vị:
Địa chỉ: 282, Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP
Mã số: 0102117575-001
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: Tiền mặt.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thu phí dịch vụ của K Line	cont 40'	10	130 USD	22.735.700
		Tỷ giá: 17489 đồng/USD			
Cộng tiền hàng:					22.735.700
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	2.273.570
Tổng cộng tiền thanh toán					25.009.270

Số tiền viết bằng chữ: hai mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm linh bảy đồng.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên) Nguyễn Thị Thái	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Trần Quốc Hương

CN Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng T3 toà nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông,NQ, HP			Mẫu số S03 - DN Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC **SỔ NHẬT KÝ CHUNG** *Tháng 11 năm 2008*				
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
…	….	….	….	….	….	…	…
18/11/08	PT 65	18/11/08	Thu phí dịch vụ vủa K Line Việt Nam	111		25.009.270	
					5111		22.735.700
					3331		2.273.570
			Chiết khấu thương mại	521		1.250.463	
				3331		125.046	
					111		1.375.509
18/11/08	PT 66	18/11/08	Thu phí bill của công ty Tinh Lợi	112		385.550	
					5111		350.500
					3331		35.050
19/11/08	PC 37	19/11/08	Chi tiền mua hoa quả thắp hương	111		85.000	
					642		85.000
30/11/08	KC	30/11/08	Kết chuyển	511			
					911	322.619.181	322.619.181
….	…	…	…	…	…	…	…
			Cộng chuyển trang sau			1.612.544.325	1.612.544.325
			Cộng luỹ kế				
			Kế toán trưởng **Trần Minh Hoà**		Thủ trưởng đơn vị **Trần Quốc Hương**		

Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng
CN Hải Phòng
T3, tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ, HP

Ban hành theo QĐ 15/2006QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

SỔ CÁI

Tài khoản: 521
Tên tài khoản Chiết khấu thương mại
Tháng 11 năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SDĐK			
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
2/11/08	PT 04	2/11/08	Chiết khấu thương mại cho Tinh Lợi 5% trên giá trị dịch vụ	111	115.261	
18/11/08	PT 65	18/11/08	Chiết khấu thương mại cho K Line 5% trên giá trị dịch vụ	112	1.250.463	
…	…	..	..	…	…	…
18/12/08	KC	18/12/08	Kết chuyển	511		3.544.054
			Cộng phát sinh		3.544.054	3.544.054
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Kế toán trưởng | Giám đốc

Trần Minh Hòa | Trần Quốc Hương

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Tại chi nhánh Hải Phòng của công ty, doah thu hoạt động tài chính chính là lãi tiền gửi ngân hàng. Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh ổn định hàng tháng do khoản mục này ít biến đổi.

Công ty TNHH dịch vụ GNVT Quang Hưng có quan hệ tín dụng với các ngân hàng: Ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam (Exim bank), Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcom Bank)

- Chứng từ sử dụng: giấy báo có của ngân hàng.
- Tài khoản sử dụng: TK 515
- Phương pháp hạch toán:

Khi phát sinh doanh thu hoạt động tài chính, các số liệu sẽ được cập nhập vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 515. Cuối kì, dựa trên sổ chi tiết 515, lập sổ cái 515.

- Ví dụ:

Ngày 01/12/2008 tại chi nhánh Hải Phòng nhận được thông báo của ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam (Exim Bank) về khoản lãi tiền gửi tháng 11, số tiền 69.417 đồng.

Mattv: 087

NH XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM
CN HẢI PHÒNG

GIẤY BÁO CÓ TRẢ LÃI TIỀN GỬI
Ngày 03/12/2008

Tên đơn vị: CN CT TNHH dịch vụ GNVT Quang Hưng
Số tài khoản: 31000088513 Số cif: 321609

Từ	Đến ngày	Lãi suất	Tiền lãi

ngày 1/11/08	30/11/08		69 417.00	
		Tổng cộng	69 417.00	
Thanh toán viên		Kiểm soát viên		Trưởng phòng

CN Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng
T3 toà nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông,NQ, HP

Mẫu số S03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
…	….	….	….	….	….	…	…
1/12/08	PT 02	1/12/08	Thu phí D/O của công ty Golden Sun	111		1.159.785	
					5111		1.054.350
					3331		105.435
1/12/08		1/12/08	Lãi TGNH Eximbank T11/08	1121		69.417	
					515		69.417
1/12/08	PT03	1/12/08	Thu phí đại lý T11/08 của Speedmark	112		4.371.500	
					511		3.974.091
					3331		397.409
2/12/08	PC 02	2/12/08	Chi tạm ứng làm hàng cho Mr Phương	141		2.000.000	
					111		2.000.000
31/12/08	KC	31/12/08	Kết chuyển	515			
					911	69.417	69.417
….	…	…	…	…	…	…	…
			Cộng chuyển trang sau			3.125.268.500	3.125.268.500
			Cộng luỹ kế				

Kế toán trưởng
Trần Minh Hoà

Thủ trưởng đơn vị
Trần Quốc Hương

CT TNHH DV GNVT QUANG HƯNG
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
T3, tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ, HP

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

SỔ CÁI

Tài khoản: 515
Tên tài khoản Doanh thu hoạt động tài chính
Tháng 12 năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SDĐK			
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
1/12/08		1/12/08	Lãi TGNH Eximbank T11/08	1121		69.417
…	..	…	…	…	…	…
24/12/08		24/12/08	Chênh lệch do bán USD của khách hàng thanh toán	111		286.159
…	…	..	..	…	…	…
1/12/08	KC	1/12/08	Kết chuyển	911	5.042.643	
			Cộng phát sinh		5.042.643	5.042.643
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Kế toán trưởng — Giám đốc

Trần Minh Hòa — Trần Quốc Hương

2.2.2. Kế toán chi phí.

Tại chi nhánh Hải Phòng của công ty TNHH dịch vụ GNVT Quang Hưng, các khoản chi phí bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác.

2.2.2.1. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại chi phí như: chi phí tiền lương cho nhân viên quản lý, chi phí tiếp khách, chi phí khấu hao, phí và lệ phí, tiền điện nước…

- Chứng từ sử dụng:

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty TNHH dịch vụ GNVT Quang Hưng sử dụng tài khoản 642. Công ty chỉ sử dụng các TK cấp 1, không sử dụng TK chi tiết cấp 2.

- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, biên lai nộp tiền, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng.
- Bảng thanh toán, phân bổ lương
- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết Tk 642
- Hóa đơn GTGT

- Tài khoản sử dụng: TK 642, 111, 141...
- Phương pháp hạch toán:

Hằng ngày, căn cứ vào các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quản lý doanh nghiệp, kế toán nhập dữ liệu vào sổ nhật kí chung, từ đó lập các sổ khác có liên quan.

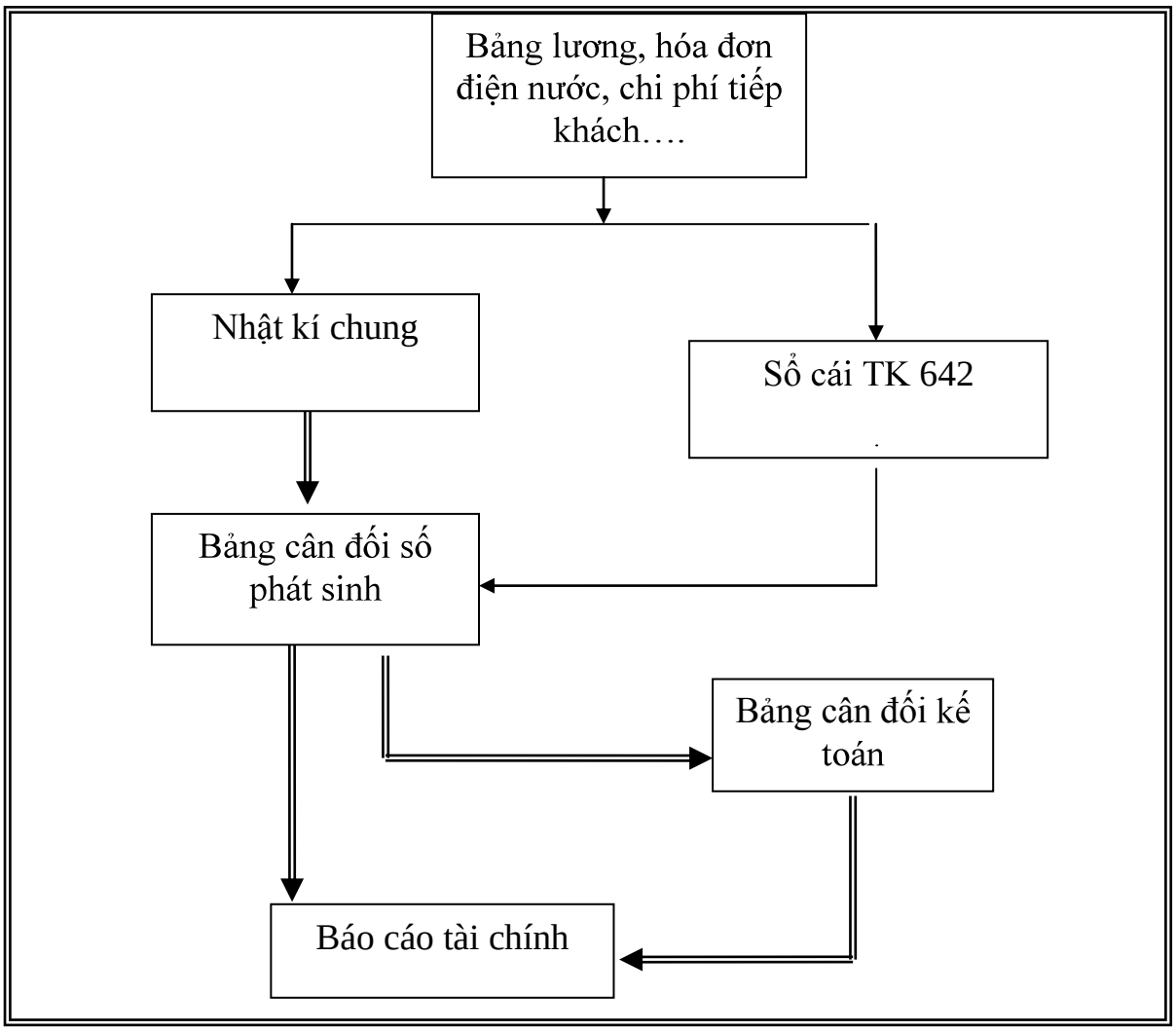

➢ Ví dụ:

Ngày 30/12/2008, tại chi nhánh Hải Phòng của công ty phát sinh 3 nghiệp vụ có liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp:

1. Công ty nộp tiền điện Tháng 12/ 2008, số tiền 684.530 đồng.

2. Công ty trả lương cho nhân viên tháng 12/ 2008, số tiền 38.958.000 đồng.

3. Phó giám đốc của Công ty TNHH dịch vụ GNVT Quang Hưng từ Thành phố Hồ Chí Minh ra xem xét, kiểm tra hoạt động kinh doanh tại chi nhánh Hải Phòng từ ngày 11/12/2008. Ngày 12, giám đốc chi nhánh Hải Phòng chuyển cho thủ quỹ hóa đơn chi tiếp khách, số tiền 2.230.000 đồng.

Kế toán lập phiếu chi số 26 và lập chứng từ sổ sách liên quan

Mẫu EVN-2

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

ID:121936

Ký hiệu: AA/2008

Số 3316945

Liên 2: Giao khách hàng

Cty TNHH MTV điện lực HP
Điện lực: Ngô Quyền
Địa chỉ: 75 Chu Văn An
Điện thoại: 0312213385

Kỳ: 1 từ ngày 25/11 đến ngày 24/12/2008.
MST: 0200340211
Sổ GCS: NQ127-028

Tên, địa chỉ KH: Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng
P7,8 tầng 3, tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ,HP.

MSTKH:0301245691-002

Mã KH: 900469672 Số C.tơ: 004876

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
10473	10013	1	460		
		Trong đó	100	550	55.000
Ngày: 27/12/2008			50	1.100	55.000
TUQ Giám đốc			50	1.470	73.500
			100	1.600	160.000
			100	1.720	172.000
			60	1.780	106.800
Phùng Hữu Dương.					
		Cộng	460		622.300
		Thuế suất thuế GTGT: 10%.			62.230
		Tổng cộng tiền thanh toán			684.530

Số viết bằng chữ: Sáu trăm tám mươi tư nghìn năm trăm ba mươi đồng.

CN Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng
T3 toà nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông,NQ, HP

Mẫu số S03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
…	….	….	….	….	….	…	…
30/12/09	PT 53	30/12/09	Mrs Huyền hoàn tạm ứng	111		3.000.000	
					141		3.000.000
30/12/08	PC 25	30/12/08	Trả tiền điện tháng 12/2008	642		622.300	
				133		62.230	
					111		684.530
30/12/08	PC 26	30/12/08	Chi phí tiếp khách	642		2.230.000	
					111		2.230.000
30/12/08	PC 27	30/12/08	Trả lương cho nhân viên T12/2008	642		38.958.000	
					111		38.958.000
31/12/08	PT 54	31/12/08	Thu phí D/O, đại lý, VSC,THC của Công ty TNHH may Tinh Lợi	111		21.552.625	
					5111		7.315.455
					5112		12.862.500
					333		1.374.670

					1		
…	…	…	…	…	…	…	…
31/12/08	KC	31/12/08	Kết chuyển	911		233.746.283	
					642		233.746.283
….	…	…	…	…	…	…	…
			Cộng chuyển trang sau			1.612.544.325	1.612.544.325
			Cộng luỹ kế				

Kế toán trưởng — Thủ trưởng đơn vị
Trần Minh Hoà — **Trần Quốc Hương**

CT TNHH DV GNVT QUANG HƯNG
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
T3, tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ, HP

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

SỔ CÁI

Tài khoản: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tháng 12 năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SDĐK			
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
23/12/08	PC 15	23/12/08	Chi phí thăm mẹ giám đốc nằm viện	111	300.000	
26/12/08	PC 16	26/12/08	Thay mới 01 máy vi tính cho phòng giám đốc	111	9.750.000	
30/12/08	PC 25	30/12/08	Trả tiền điện T12/2008	111	622.300	
30/12/08	PC 26	30/12/08	Chi phí tiếp khách	111	2.230.000	
30/12/08	PC 27	30/12/08	Trả tiền lương T12/2008 cho nhân viên.	111	38.958.000	
…	…	…	…	…	…	…

31/12/08	KC	31/12/08	Kết chuyển	911		124.309.741
			Cộng phát sinh		124.309.741	124.309.741
			SDCK			
Ngày 31 tháng 12 năm 2008.						
Kế toán trưởng Trần Minh Hòa				Giám đốc Trần Quốc Hương		

2.2.2.1. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH dịch vụ GNVT Quang Hưng chủ yếu là tiền lãi vay ngân hàng. Ngoài ra còn có chi phí chuyển tiền, lỗ do bán ngoại tệ…

- Chứng từ sử dụng: giấy báo nợ ngân hàng, sổ phụ ngân hàng
- Tài khoản sử dụng: TK 635
- Phương pháp hạch toán:

Khi phát sinh chi phí hoạt động tài chính các số liệu được cập nhập vào sổ nhật ký chung. Cuối kỳ, kế toán lập sổ cái TK 635.

- Ví dụ:

Ngày 26/11/2008, công ty trả lãi tiền vay cho ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng, số tiền 37.414 đồng. Ngân hàng đã gửi giấy báo nợ.

Mattv: 091

NH NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
CN HẢI PHÒNG

GIẤY BÁO NỢ TRẢ LÃI TIỀN GỬI

Ngày 26/11/2008

Tên đơn vị CN CT TNHH dịch vụ GNVT Quang Hưng

Số tài khoản: 31000088513 Số cif: 270608

Từ ngày	Đến ngày	Lãi suất	Tiền lãi
27/10/08	26/11/08	1.200	37414.00
		Tổng cộng	37414.00

Thanh toán viên Kiểm soát viên Trưởng phòng

CN Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng T3 toà nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông,NQ, HP			Mẫu số S03 - DN Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC				
SỔ NHẬT KÝ CHUNG *Tháng 11 năm 2008*							
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
…	….	….	….	….	….	…	…
25/11/08	PC 38	25/11/08	Chi tiền nước tháng 11/2008	111		126.340	
				133		12.634	
					642		138.974
26/11/08		26/11/08	Trả lãi tiền vay cho ngân hàng Vietcombank	635		37.414	
					112		37.414
26/11/08	PT 40	26/11/08	Thu phí D/O, vệ sinh cont của công ty Nam Trung	111		3.489.104	
					5111		3.171.913
					3331		317.191
26/11/08	PT 40	26/11/08	Thu phí D/O, vệ sinh cont	111		1.386.483	

			của công ty Nam Trung				
					5111		1.320.460
					3331		66.023
30/11/08	KC	30/12/08	Kết chuyển	911		37.414	
					635		37.414
....	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng chuyển trang sau			1.612.544.325	3.125.268.500
			Cộng luỹ kế				

Kế toán trưởng — Thủ trưởng đơn vị
Trần Minh Hoà — **Trần Quốc Hương**

CT TNHH DV GNVT QUANG HƯNG
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
T3, tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ, HP

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

SỔ CÁI

Tài khoản: 635
Tên tài khoản Chi phí tài chính
Tháng 11 năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SDĐK			
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
26/11/08		26/11/08	Trả lãi tiền vay cho ngân hàng Vietcombank	112	37414	
27/11/08	PT 42	27/11/08	Lỗ do nhượng bán 01 máy photocopy	111	765.590	
…	…	..	..	…	…	…
31/12/08	KC	18/12/08	Kết chuyển	911		2.314.096

			Cộng phát sinh		2.314.096	2.314.096
			SDCK			
Ngày 31 tháng 12 năm 2008.						
Kế toán trưởng Trần Minh Hòa				Giám đốc Trần Quốc Hương		

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

➢ Đặc điểm.

Cuối năm, kế toán của chi nhánh tổng hợp chi phí, doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Kết chuyển chi phí: chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính.
- Kết chuyển lãi, lỗ.

➢ Tài khoản sử dụng

Các TK được sử dụng trong quá trình xác định kết quả kinh doanh: TK 511, 515, 521, 532, 635, 642, 911, 421.

➢ Phương pháp hạch toán:

Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán dựa vào sổ cái các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 trong kỳ, lập báo cáo kết quả kinh doanh.

- Nếu tổng số phát sinh bên nợ của TK 911 lớn hơn tổng số phát sinh bên có của TK 911 thì kế toán thực hiện bút toán kết chuyển lỗ sang bên nợ TK 421- Lợi nhuận sau thuế.

Kế toán ghi:

Nợ TK 421: Số phát sinh có TK 911- Số phát sinh nợ TK 911

Có TK 911: Số phát sinh có TK 911- Số phát sinh nợ TK 911

- Nếu tổng số phát sinh bên nợ của TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên có của TK 911 thì kế toán phải tính thuế TNDN để nộp cho nhà nước.

Kế toán hạch toán chi phí thuế TNDN vào TK 821.

+ Xác định thu nhập chịu thuế:

Thu nhập chịu thuế = SPS có TK 911- SPS nợ TK 911

+Xác định số thuế TNDN phải nộp:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

Sau khi tính được thuế TNDN phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế TNDN đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế TNDN còn phải nộp hay được ghi giảm.

Tính được thuế TNDN thực tế phải nộp, kế toán kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên nợ TK 911, từ đó xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, kết chuyển sang bên có TK 421- Lợi nhuận sau thuế.

- Ví dụ:

Cuối năm, công ty xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán dựa vào sổ cái các TK từ loại 5 đến loại 9 trong kỳ để cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh.

Sơ đồ xác định kết quả kinh doanh:

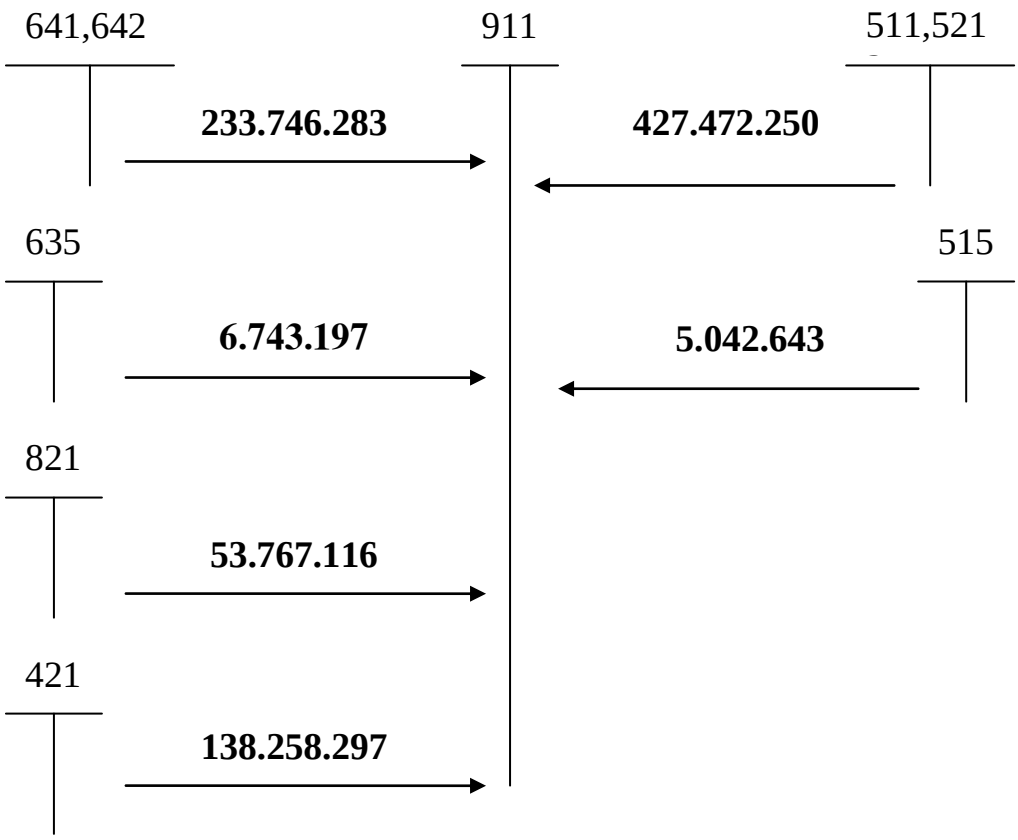

CT TNHH DV GNVT QUANG HƯNG
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
T3, tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ, HP

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

SỔ CÁI

Tài khoản: 911
Tên tài khoản Xác định kết quả kinh doanh.
Tháng 12 năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SDĐK			
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
31/12/08	KC	31/12/08	KC doanh thu cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ DT	511		427.472.250
31/12/08	KC	31/12/08	KC doanh thu hoạt động tài chính	515		5.042.643
31/12/08	KC	31/12/08	KC chi phí tài chính	635	6.742.197	
31/12/08	KC	31/12/08	KC chi phí quản lý doanh nghiệp	642	233.746.283	
31/12/08	KC	31/12/08	KC thuế TNDN phải nộp	821	53.767.116	
31/12/08	KC	31/12/08	KC lợi nhuận sau thuế	421	138.258.297	
			Cộng phát sinh		432.514.893	432.514.893
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng — Giám đốc

Trần Minh Hòa — Trần Quốc Hương

CT TNHH DV GNVT QUANG HƯNG
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
T3, tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ, HP

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

SỔ CÁI

Tài khoản: 821
Tên tài khoản Chi phí thuế TNDN.
Tháng 12 năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SDĐK			
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
30/12/08		30/12/08	Chi phí thuế TNDN phải nộp.	333	53.767.116	
31/12/08		31/12/08	KC chi phí thuế TNDN	911		53.767.116
			Cộng phát sinh		53.767.116	53.767.116
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Minh Hòa	Trần Quốc Hương

CN CT TNHH DV GNVT Quang Hưng

T3 toà nhà Thành Đat, Lê Thánh Tông,NQ, HP

Mẫu số B02- DN

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.

Quý IV năm 2008.

Đơn vị tính: VNĐ.

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ nay	Kỳ trước
1	2	3	4	5
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	01	VI 25	432.619.181	368.124.688
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI 26	5.146.931	2.553.410
Chiết khấu thương mại			4.219.500	2.553.410
Giảm giá hàng bán			927.431	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.(10=01-02)	10	VI 27	427.472.250	365.571.278
Giá vốn hàng bán	11	VI 28		
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		427.472.250	365.571.278
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI 29	5.042.643	6.265.489
Chi phí tài chính	22	VI 30	6.743.197	3.874.002
Trong đó: Chi phí lãi vay				
Chi phí bán hàng	24			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		233.746.283	198.034.157
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		192.025.413	169.928.608
Thu nhập khác	31			
Chi phí khác	32			
Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40			

Tổng lợi nhuân kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		192.025.413	169.928.608
Chi phí thuế TNDN hiên hành	51	VI 31	53.767.116	47.580.001
Chi phí thuê TNDN hoãn lại	52	VI 32		
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		138.258.297	122.348.607
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu Kế toán trưởng

CHƯƠNG III:
MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI QUANG HƯNG (CHI NHÁNH HẢI PHÒNG).

3.1. Những nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, chi nhánh Hải Phòng.

Công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng (Chi nhánh Hải Phòng) có bộ máy quản lý đơn giản, các phòng ban được phân chia nhiệm vụ một cách rõ ràng, cụ thể. Trong những năm qua, công ty đã thực hiện khá tốt những chế độ kế toán và nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Trong quá trình hạch toán, công ty không áp dụng các nguyên tắc một cách cứng nhắc mà luôn đi sâu tìm hiểu để áp dụng sao cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty dựa trên cơ sở của chế độ kế toán. Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty có nhiều ưu điểm, song cũng tồn tại những hạn chế nhất định.

3.1.1. Những ưu điểm nổi bật.

Công tác kế toán tại công ty dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và làm kế toán Excell trên máy vi tính, tránh ghi chép thủ công mất nhiều thời gian, chi phí tốn kém, hơn nữa lại đáp ứng được việc tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời, đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vị, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận liên quan.

Hình thức kế toán Sổ nhật ký chung đang được áp dụng phù hợp với đặc điểm và tình hình của công ty.

➢ *Về chứng từ kế toán sử dụng :*

- Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu

của bộ tài chính ban hành, kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng. Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện tương đối nhanh chóng, kịp thời.

- Trên các chứng từ, thông tin được ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận, kế toán lưu trữ chứng từ theo từng phần hành kế toán, tránh hiện tượng chứng từ chồng chéo nhau.

- Quá trình luân chuyển chứng từ rất hợp lý.

➢ *Về tổ chức công tác kế toán :*

Việc tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc điểm và tình hình của công ty. Công ty luôn chấp hành một cách đầy đủ chính sách, chế độ kế toán tài chính của Nhà nước, các chính sách về giá, về thuế. Tổ chức mở sổ đầy đủ, phù hợp để phản ánh tình hình biến động của thị trường, đồng thời phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, bảo đảm cho tài sản của công ty.

➢ *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Việc tổ chức bộ máy kế toán như hiện nay là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Nhân viên kế toán với trình độ chuyên môn cao, ý thức trách nhiệm tốt, luôn hoàn thành tốt công việc được giao, giúp đánh giá nhanh chóng kịp thời tình hình kinh doanh của công ty, từ đó giúp lãnh đạo đưa ra các mục tiêu kinh doanh mới nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cao hơn.*:*

➢ *Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:*

Trên cơ sở đặc điểm về kết quả kinh doanh tại công ty, kế toán doanh thu,chi phí xác định kết quả kinh doanh đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn, để đưa ra hệ thống sổ sách ghi chép, xác định doanh thu, chi phí.

- Kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo

nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phi phát sinh. Việc hạch toán doanh thu được theo dõi chi tiết cho từng loại hình kinh doanh.

- Kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để giảm thiểu. Do đó, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh:cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời cho các cơ quan chức năng như: cơ quan thuế, ngân hàng… còn cung cấp đầy đủ thông tin cho ban lãnh đạo công ty, giúp cho những nhà quản lý đầu tư có quyết định đúng đắn về hoạt động kinh doanh của công ty, đề ra những chiến lược kinh doanh, nhằm nắm bắt thị trường một cách nhanh chóng.

Hiện nay, sau một tháng hoạt động kinh doanh, kế toán trưởng tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính, hoạt dộng kinh doanh của công ty trong tháng vừa qua để trình lên giám đốc. Đây là một điểm tích cực cần phát huy.

3.1.2. Những hạn chế còn tồn tại.

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán công ty còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp đầy đủ hơn, chính xác hơn những thông tin tài chính kế toán.

➢ *Về hoạt động kinh doanh:*

Chi nhánh Hải Phòng của công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng đi vào hoạt động từ tháng 3 năm 2002 nhưng sự da dạng về mặt khách hàng còn thấp. Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ cho những khách hàng quen thuộc nhiều năm, số lượng khách hàng mới còn ít.

➢ *Về phương thức hạch toán kế toán:*

-Kế toán làm trên máy dùng bảng tính Excell tuy tiết kiệm được thời gian nhưng đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu.

- Việc lập báo cáo tài chính của công ty không được thực hiện đầy đủ. Cụ thể là kế toán không lập hai báo cáo là Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh tài chính. Việc này không đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán.

- Công ty không lập dự phòng phải thu khó đòi mặc dù trên thực tế, tại công ty phát sinh một số khoản nợ lớn của những khách hàng quen thuộc lâu năm.

➢ *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Tại chi nhánh Hải Phòng, bộ máy kế toán gồm có 1 thủ quỹ chịu trách nhiệm về các khoản thu chi tiền mặt, 1 kế toán thực hiện toàn bộ các phần hành kế toán nên số lượng công việc lớn, dễ có sai sót.

➢ *Về vận dụng tài khoản kế toán:*

Công ty hạch toán các loại phí như: phí vận đơn, phí chứng từ, phí vê sinh cont … vào tài khoản chi tiết 5111- Doanh thu bán hàng hóa, hạch toán phí làm hàng tại cảng vào tài khoản chi tiết 5112- Doanh thu cung cấp dịch vụ. Điều này là sai với quy định của Bộ tài chính trong chế độ kế toán, dễ làm cho cơ quan quản lý nhầm lẫn.

➢ *Về phương thức thanh toán:*

Hình thức thanh toán chủ yếu tại công ty Quang Hưng là thanh toán bằng tiền mặt. Điều này sẽ gây khó khăn khi thu tiền của những hóa đơn có giá trị lớn, số lượng tiền mặt thanh toán lớn...

➢ *Về công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:*

- Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, chi nhánh Hải Phòng.

3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý kinh tế mới để đáp ứng yêu cầu quản

lý trong điều kiện hiện nay giữa sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt. Vì vậy mỗi doanh nghiệp cần phải tìm cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để đứng vững trên thị trường.

Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho viêc theo dõi cũng như công tác kiểm tra kế toán.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Điều này là hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng như: Cơ qua thuế- giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước, đối với ngân hàng- giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi , việc thu hồi vốn và lãi, quan trọng là đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai. Đây là điều đặc biệt quan tâm của doanh nghiệp và của các đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kì một doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, chi nhánh Hải Phòng.

Kiến nghị 1: Áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

Hiện nay công ty có một số khách hàng lâu năm, giá trị dịch vụ cung cấp là khá lớn. Trong đó, có một vài khách hàng thường xuyên thanh toán chậm. Công ty nên đưa ra phương thức khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, trước thời hạn để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty, hạn chế bớt các

khoản đi vay. Ví dụ như chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán ngay hoặc thanh toán trước thời hạn thỏa thuận ban đầu, áp dụng với cả đối với khách hàng thanh toán một nửa hóa đơn GTGT ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng dựa trên nhiều yếu tố như:

- Số tiền mua hàng phát sinh
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay của công ty.

Cụ thể:

- Nếu khách hàng sử dụng dịch vụ với giá trị lớn (từ 5.000.000 trở lên) và thanh toán ngay toàn bộ hóa đơn thì mức CKTT khách hàng được hưởng là 1% giá trị hóa đơn, khách hàng thanh toán ngay một nửa hóa đơn thì mức CKTT khách hàng được hưởng là 0.5 % giá trị hóa đơn.
- Nếu khách hàng sử dụng dịch vụ với giá trị lớn (từ 5.000.000 đồng trở lên) và thanh toán sớm hơn thời gian thỏa thuận ban đầu thì mức CKTT được hưởng là 2% giá trị hóa đơn.

Công ty có thể hạch toán chiết khấu thanh toán cho người mua như sau:

Nợ TK 6359 : Chi phí tài chính khác

Có TK 111, 112: Số tiền CKTT mà KH được hưởng.

Khi công ty chi khoản CKTT cho khách hàng, kế toán lập phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi về khoản tiền này. Kế toán vào sổ nhật kí chung, từ đó vào các sổ cái liên quan: Tk 635, TK 111, TK 112…

Kiến nghị 2: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy.

Kế toán làm trên máy dùng bảng tính Excell tuy có tiết kiệm thời gian song đôi khi vẫn còn tồn tại những nhầm lẫn về số liệu, gây ra nhiều sai sót không đáng có. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy vì phần mềm kế toán sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác. Ngoài ra, phần mềm còn tự động tính

toán và kết chuyển các bút toán cần thiết, đảm bảo tính chính xác và kịp thời cho công tác kế toán.

Kiến nghị 3: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Để đảm bảo nguyên tắc thân trọng và giảm đến mức tối thiểu các khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra thì việc trích lập các khoản dự phòng là rất thiết.

Để lập các khoản phải thu khó đòi, kế toán sử dụng tài khoản 139- Dự phòng phải thu khó đòi và theo dõi chi tiết cho từng khách hàng có nguy cơ có số nợ kho đòi. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Phương pháp xác định mức dự phòng cần lập

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần lập
3 tháng <= t <= 1 năm	30% giá trị nợ phải thu
1 năm<= t <=2 năm	50% giá trị nợ phải thu
2 năm<= t <=3 năm	70% giá trị nợ phải thu

Ước tính đối với khách hàng đáng nghi ngờ phải dựa vào thời gian quá hạn thực tế của khách hàng đó.

Số dự phòng cần lập Của KH đáng ngờ = Số nợ phải thu của KH đáng ngờ * Tỷ lệ ước tính không thu được của KH

Sơ đồ dự phòng phải thu khó đòi

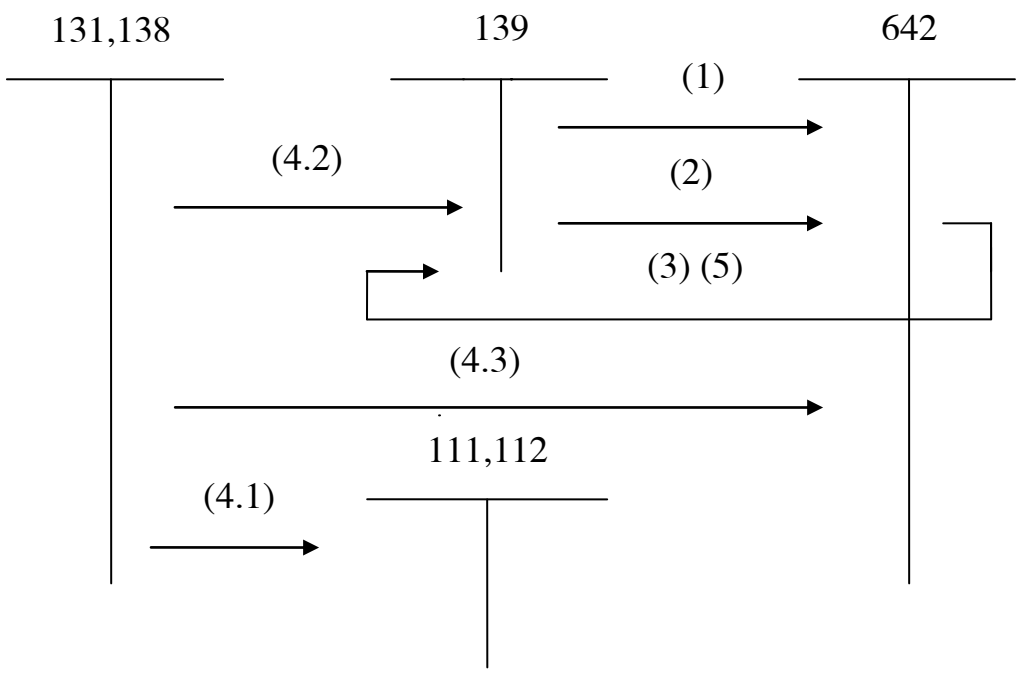

Chú thích:

(1): Cuối niên độ kế toán (N-1), trích lập dư phòng phải thu khó đòi.

(2): Cuối niên độ kế toán (N), trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi khi số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi của niên độ N lớn hơn số chênh lệch dự phòng của niên độ N-1.

(3): Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi khi số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi của niên độ N nhỏ hơn số chênh lệch dự phòng của niên độ N-1.

(4): Sang niên độ kế toán N+1, xóa sổ số phải thu khó đòi.

(4.1): Giá trị thu hồi được

(4.2): Số thiệt hại trừ vào phần dự phòng đã lập

(4.3): Số thiệt hại vượt quá mức dự phòng.

(5): Hoàn nhập dự phòng

Đồng thời ghi đơn

Nợ TK 004 : Nợ khó đõi đã xử lý.

Sau khi xóa sổ các khoản nự không đòi được, kế toán vẫn tiếp tục theo dõi những khoản nợ đó trong vòng 5 năm và vẫn phải có các biện pháp đòi nợ.

Trong trường hợp kế toán đòi được số nợ khó đòi đã xóa sổ, căn cứ vào giá trị thực tế thu hồi được, kế toán ghi nhận:

Nợ TK 111, 112 : Giá trij thực tế thu hồi

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn:

Có TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý

Ví dụ

Công ty TNHH Quang Hưng chi nhánh Hải Phòng xem xét thấy có hai trường hợp khách hàng đáng :

- Công ty TNHH may Hà Hùng đã không thanh toán khoản nợ 43.750.000 đồng, thời gian qua hạn là 7 tháng (từ tháng 6/2007).

- Chi nhánh Hải Phòng của K Line Việt Nam chưa thanh toán khoản nợ 18.254.300 đồng, thời gian quá hạn là 4 tháng(kể từ tháng 9/2008).

Kế toán viên trích lập mức dự phòng phải thu khó đòi, lập cho năm 2009:

Cty TNHH DV GNVT Quang Hưng
T3 tòa nhà Thành Đạt, Lê Thánh Tông, NQ, HP

Mẫu số: S02b-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

BIÊN BẢN KIỂM KÊ CÔNG NỢ

STT	Mã KH	Tên khách hàng	Số nợ phải thu	Thời gian quá hạn thanh toán(tháng)	Khả năng TT(%)	Tỷ lệ trích lập DP (%)	Số trích lập DP
1	MHH	Công ty TNHH May Hà Hùng	43.750.000	7 tháng		30%	13.125.000
2	KLVN	Công ty K Line Việt Nam chi nhánh Hải Phòng	18.254.300	4 tháng		30%	5.475.290
		Tổng	62.004.300				18.600.290

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng
(Ký , ghi rõ họ tên)
Trần Minh Hòa

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)
Trần Quốc Hương.

Sau đó, kế toán viên tiếp tục theo dõi tinh hình thanh toán khoản nợ này của công ty TNHH may Hà Hùng và áp dụng tiếp các mức dự phòng phai lập theo quy định nếu các khoản nợ này chưa được thanh toán.

Kiến nghị 4: Công ty nên bổ sung việc hạch toán tài khoản 632- giá vốn hàng bán.

Công ty TNHH DV và DNVT Quang Hưng không sử dụng tài khoản 632- giá vốn hàng bán. Mọi chi phí liên quan, phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng công ty đều hạch toán vào tài khoản 642- chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này khiến cho công ty không xác định được lãi gộp trong mỗi kì kinh doanh và làm cho sổ chi tiết tài khoản 642 bị quá tải.

Kiến nghị 5: Bổ sung thêm nhân viên kế toán.

Hiện nay, tại chi nhánh Hải Phòng của công ty, bộ phận kế toán bao gồm 1 thủ quỹ và 1 kế toán. Như vậy, với khối lượng công việc khá lớn, một nhân viên kế toán chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các phần hành kế toán sẽ phải chịu nhiều áp lực công việc, dễ dẫn đến sai sót nhầm lẫn số liệu. Công ty nên tuyển dụng thêm một kế toán viên, để bộ máy kế toán bao gồm 1 kế toán trưởng, 1 kế toán viên và 1 thủ quỹ. Như vậy, công việc sẽ được giảm nhẹ hơn cho kế toán trưởng, giảm thiểu nhầm lẫn sai sót không đáng có và đảm bảo thời gian cho việc tổng kết, gửi báo cáo tình hình kinh doanh tại chi nhánh HP vào tổng công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT LUẬN

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác, trung thực từ việc xác định doanh thu, chi phí qua hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tạo điều kiện cho ban giám đốc công ty đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của công ty trong thời gian tới. Trong quá trình tổ chức bộ máy kế toán, không tránh khỏi bộ phận kế toán còn những sai sót trong vấn đề xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nhưng đó chỉ là tạm thời. Công ty ngày càng mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp. Trong tương lai, công ty sẽ đạt được những kết quả tốt hơn với sự cố gắng, nỗ lực không ngừng của ban giám đốc cùng toàn thể nhân viên.

Qua quá trình rèn luyện ở nhà trường và thực tập tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, chi nhánh Hải Phòng đã giúp em nhận thức sâu sắc hơn về công tác kế toán nói chung và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Một lần nữa, em rất mong sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo và tất cả những ai quan tâm đến bài khóa luận này, để em có thể củng cố và nâng cao kiến thức hơn nữa.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến ban giám đốc, các anh chị trong phòng tài chính kế toán của công ty, các thầy các cô trong bộ môn kế toán, đặc biệt là giáo viên hướng dẫn- ThS Nguyễn Thị Thúy Hồng đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành luận văn tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 30 tháng 5 năm 2009.

Sinh viên thực hiện:

Hoàng Diệu Ngân.

Danh mục tài liệu tham khảo.

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – quyển 1
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp – quyển 2
3. Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ – PGS.TS Nguyễn Văn Công
4. Hướng dẫn hạch toán kế toán báo cáo tài chính doanh nghiệp – TS Võ Văn Nhị
5. Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới – TS Võ Văn Nhị